

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

QUYÊN 16

1. Đường Kính Tông: (Ất Ty)

Kính Tông tên là Trạ, con trưởng của Mục Tông, mẹ là Thái hậu Vương Thị. Ông đùa giỡn vô độ thích trốn tìm với trẻ con, bản tính lại nóng nảy bị Khắc Minh giết, an táng ở Trang lăng, thọ mười tám tuổi, trị vì được hai năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Bảo Lịch.

2. Vua Hạ Chiếu Mời Đạo Sĩ Lưu Tùng Chánh Vào Cung Đảm Trách Việc Tu Tiên:

Tháng tám, vua sai sứ vào Thiên Thai tìm linh dược, hạ chiếu mời Đạo sĩ Lưu Tùng Chánh vào cung đảm trách việc tu tiên. Vua phong Chánh làm Quang Lộc Khanh, biệt hiệu là Thăng Huyền tiên sinh.

Bính Ngọ: Tháng ba, vua sai Đạo sĩ Tôn Chuẩn chế thuốc trường sinh, phong Chuẩn chức Hàn lâm nhưng còn chờ chiếu chỉ. Tháng tư, vua săn bắn đến tối mới về, cùng bọn hoạn quan uống rượu đá cầu. Bỗng dưng đèn đuốc tắt ngấm, vua bị giết thọ mười tám tuổi. Đại thần Bùi Độ... đón em ông là Giang Vương lên ngôi. Đó là Văn Tông.

Tháng năm, vua hạ chiếu thay đổi những việc hoang dâm xa xỉ không đúng vương pháp của hai triều, bắt bọn đạo sĩ Tôn Chuẩn và hai mươi tám người khác, cùng bọn gian nịnh Tảng Duy Chân. Muôn dân tán phục phục đổ về nghe mệnh.

3. Văn Tông: (Đinh Mùi)

Văn Tông tên là Ngang, con thứ của Mục Tông, tính phóng khoáng chịu nghe can gián nhưng không kiên quyết, dùng Lý Huấn, Trịnh Chú, muốn giết hoạn quan. Bọn Cừ Sĩ Lương ngầm biết liền xua binh giết Tể tướng Vương Ác cùng hơn hai mươi người khác. Vua thọ ba mươi hai tuổi, trị vì mười bốn năm, lên ngôi đổi niên hiệu là Thái Hòa.

Mậu Thân: Tháng mười, Giang Tây quán sát sứ Thẩm Phó Sư tâu:

“Ngày sinh nhật của vua, xin được dựng giới đàn phượng đăng tại Hồng châu để độ Tăng Ni, cầu phước”.

Vua nói:

“Đã có sắc lệnh cấm độ Tăng ni”.

Phó Sư hổ thẹn vì mất mặt, nên trái lệnh cố xin, bị vua phạt hết tháng lương.

4. Văn bia nói về hành trạng của Dược Sơn Duy Nghiễm:

Năm này, Thiền sư Dược sơn Duy Nghiễm ở Lễ châu thị tịch. Đại Nho Đường Thân viết văn bia rằng:

“Hoàng thượng vừa lên ngôi, năm sau vào ngày sáu tháng mười hai, Đại sư Dương Sơn ở quận lễ dương thị tịch. Sau đó tám năm, môn nhân soạn hành trạng của tiên sư đem đến kinh thành thỉnh ý chư Đại đức ở chùa Sùng Kính, là mong nguồn sáng của thầy mình mãi chiếu thế gian lưu danh thiên cổ. Đại đức ở Sùng Kính là anh cùng mẹ với tôi, từng tham vấn Đại sư lãnh hội được tâm yếu. Từ khi Đại sư Hưng Thiện Khoan Kính thị tịch về sau, người học bốn phương có mỗi nghi gì đều đến Sùng Kính thưa hỏi. Sùng Kính có lần nói với tôi: “Ta sở dĩ thấu đạo là nhờ Dược Sơn. Giáo pháp ấy của ngài vẫn vang vọng Chu tứ, đước trí tuy tắt nhưng sấm pháp vẫn còn vang, lẽ đâu để đức sáng ấy lụi tàn, mai một sao?” Đại sư sinh ở Nam Khương Tín Phong. Lúc nhỏ chưa từng đùa giỡn với lũ trẻ cùng trang lứa, thường ngồi một mình như suy nghĩ điều gì đó. Năm mười bảy tuổi sư đi về Nam đến ngọn núi phía Tây Triều Dương gặp được Thiền sư Tuệ Chiếu, bèn theo thầy xuất gia chuyên tâm hầu hạ. Trong năm Đại Lịch, Sư theo Luật sư Hy Sâm ở Hoàn nhạc thọ giới Cụ túc. Phép tắc uy nghi thuần thực như đã tập đâu đời trước. Một hôm, Sư nghĩ: Đại trượng phu phải lìa phép tắc tự an tĩnh, lẽ đâu cứ theo việc vụn vặt, làm cái hạnh áo khăn này ư.

Hồi ấy Nam nhạc có Hy Thiên, Giang Tây có Tuệ Tịch đều là người ngộ tâm yếu. Sư nghĩ, quý như ngọc khuê đâu đợi mài dũa, bảo tháp Đại thừa đâu hợp với cái tối. Lúc đó pháp Đại thừa của Tuệ Tịch vang dội khắp bốn phương, học chúng đến đều được chỉ bày tâm yếu. Những điều họ không thể thấu đạt, Sư đều ngầm hiểu trong lòng, tỏ ra người không biết, như điếc như ngu. Sư ở pháp hội của Tịch ngót hai mươi năm. Tịch nói với Sư: “Sở đắc của ông có thể nói là ở trong tâm, bủa khắp bốn chi, muốn lợi ích nhưng không có chỗ để làm lợi ích, muốn biết nhưng không điều gì để biết, cao vút hợp trời, khế với gốc không. Ta không có gì để dạy ông cả. Phật lấy việc khai thị kẻ mê là

đại công, lấy việc độ diệt kẻ ác là đại đức. Ông phải dùng công đức cứu khắp quần mê, nên lập phương tiện dừng dừng ở đây”.

Từ đó Sư qua La Phù, vượt Thanh Lương, trèo ba núi, lội chín sông. Đến năm Trinh Nguyên nhân lúc dừng lại, Dực Sơn búi ngùi than: “Ta sinh ở đời chẳng khác đám lục bình gởi thân tạm bợ, thì gắng sức bôn ba làm gì nữa”.

Thế rồi Sư kết tranh, ngày ngày tĩnh tọa. Người trong làng biết tin đua nhau đem vật thực đến cúng dường. Sư nói:

- Ta không có đức với người khác, không dám làm mọi người lao nhọc.

Rồi từ chối không nhận. Mọi người quỳ thưa:

- Xin thầy cho phép chúng tôi cúng thức ăn hằng ngày.

Sư đáp:

- Chỉ một thặng gạo là đủ rồi.

Từ đó Sư thường lấy rau rừng thế cơm, ăn xong là giảng Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Niết-bàn. Ngày hay đêm đều như vậy. Cứ thế Sư ở vậy đến ba mươi năm. Những người du phương cầu học ngày càng đông. Biết nơi đây có giáo pháp, nên chỉ mấy năm sau, Tăng chúng tụ họp tu tập nơi này, đông không kể xiết. Đến nay những bậc lương đồng trong tông môn hoàng giáo khắp đó đây, nguồn đạo chia thành dòng. Mới hay lời tiên tri của Tịnh Công hoàn toàn không sai.

Bỗng một hôm, Sư nói với đồ chúng:

- Nương hóa thành mà đi, đến tối phải nghỉ. Chưa có ai đi mãi mà chẳng dừng. Ta đã đến nơi cần đến, sắp phải nghỉ đây. Nguồn linh tự sạch, các tướng hỗn tạp hay diệt các tướng, vốn không có sắc, cùng tận nguồn căn, dứt tướng bên ngoài, thì ắt thể đạt.

Nói xong sư ngồi yên trên ghế, an nhiên thị tịch, thọ tám mươi bốn tuổi, hạ lạp sáu mươi. Đệ tử nhập thất như Xúng Hư... thỉnh nhục thân Sư qua dựng tháp ở phía Đông thiền cư (nhà thiền) theo như di huấn của Sư.

Bình sinh Sư từng lấy vải gai làm áo, bẹ trúc làm giày, tự cạo tóc, tự nấu ăn, môn nhân đông đến mấy trăm, thị giả vô số nhưng chưa từng để họ làm thay. Dù có trăm thức ăn ngon, cây trái đầy bàn, nhưng chưa từng thay đổi thức ăn. Mùa đông phải mặc hồ cừ, mùa hạ phải mặc lụa mỏng, thế mà sư một đời vẫn chưa từng đổi áo. Nhà đẹp vắng lặng, giường chõng sạch thơm, thế mà sư chẳng thay chỗ ở. Hoảng hươu xúm quanh, lang sói phủ phục, nhưng sư chẳng sợ nhìn. Giàu nghèo đến thăm, Sư đều bước xuống giường đón tiếp, chưa từng thất lễ với ai. Nếu

chẳng phải là người thấu triệt vạn duyên, khế hợp chân không, lia khỏi phan duyên, bản tánh bình lặng trước muôn vật thì làm sao bỏ hình hài, quên ham muốn, một đời thanh tịnh nhất như vậy được.

Ngoài ra những danh nhân, trọng thần đến quy y, cầu học với Sư. Xưa nay chưa có vị thầy nào có học chúng nhiều như Sư, không thể kể ra hết trong bài ký này. Bài minh viết:

*Trong còn một vật
Gặp cảnh liền động
Ta-bày nguồn chân
Chẳng cảnh chẳng động
Thánh nhân Tây phương
Diễn nói tâm yếu
Một khi nhận được
Liền thấy nhiệm màu
Ta vốn tự cứu
Sáng tỏ nguồn linh
Bao trùm vạn hữu
Vượt thoát hình hài
Đạo Tào Khê truyền
Ẩn tàng sâu kín
Đời người đều không
Đâu từng có vật
Thấy được là mình
Chí tinh chí diệu
Sống chết do ta
Ai bảo sống chết
Khắc trên châu ngọc
Dựng trên núi non
(Đường) thân tôi soạn bia
Mong mãi bất hủ.*

5. Lý Cao soạn Phục Tánh thư:

Phần một nói:

“Con người sở dĩ làm thánh là do tánh, sở dĩ mê tánh là do tình. Vui, giận, buồn, sợ, thương, ghét, muốn, bầy thứ ấy do tình tạo ra. Tình đã mê thì tánh liền ẩn, không phải lỗi của tánh. Bầy thứ ấy tuần hoàn qualại, nên tánh không làm chủ được. Nước đục là do dòng không trong, lửa có khói là do lửa không cháy thành ngọn. Đó không phải lỗi ở nước,

lửa, trong, sáng. Cát không đục là vì dòng nó trong, khói không quện là vì lửa có ngọn. Tình không sinh thì tánh mới làm chủ. Tánh là mệnh của trời, Thánh nhân nhận được nên không mê lầm. Thánh nhân không có tình chẳng? Thánh nhân là người vắng lặng không động, chẳng đi mà tới, chẳng nói là tin, chẳng rõ mà sáng. Việc làm hợp với trời đất, thay đổi thì khế với âm dương. Tuy có tình cũng chưa từng có. Như vậy trăm họ không có tánh chẳng? Tánh của trăm họ chẳng khác tánh của Thánh nhân. Tuy nhiên họ bị tình mê hoặc, thúc đẩy không lúc nào ngưng, bởi vậy dù sống cả đời nhưng chẳng tự thấy tánh của mình. Lửa vốn ẩn tàng trong đá trong cây, chứ không phải không có. Đầu nguồn của sông, ngòi, khe, rạch là suối trên núi, không phải là không có. Đá không mài, cây không cọ thì không thể đốt cả núi rừng, thiêu rụi vạn vật. Nguồn suối không khơi thì không thể thành sông, thành ngòi, thành khe, thành rạch. Biển hồ phía Đông minh mông bát ngát sâu thẳm khôn lường. Tình mà loạn động liên tục thì không thể nào khôi phục được bản tánh mà đốt lên ngọn đuốc sáng vô tận giữa trời đất. Thế nên sự thành thật là tánh của Thánh nhân. Nó vắng lặng chẳng động, rộng lớn sáng trong, chiếu khắp trời đất, nhờ vậy mà thông suốt muôn việc trong thiên hạ. Đi đứng, nói im thấy đều cao vời. Trở về tánh ấy là thế nào? Là hiền nhân thuận theo tánh một cách không ngừng nghỉ. Không ngừng nghỉ thì mới quay về được ngọn nguồn. Thánh nhân biết tánh của con người đều có thể thuận theo, cứ liên tục mà đi tất về được như thánh. Vì vậy mà chế lễ để tiết chế, soạn nhạc để dung hòa, yên ổn trong nhân là gốc của nhạc. Động nhưng trung hòa là gốc của lễ. Bởi vậy ở trên xe thì nghe tiếng loạn giá, đi bộ thì nghe tiếng của ngọc bội. Vô cơ mà bỏ đàn cầm, đàn sặc thì ngôn hạnh có tuân theo lễ phép nhưng loạn động. Vì vậy phải dạy người quên ham muốn mà quay về với đạo của tánh mệnh. Đạo là sự chí thành không ngừng nghỉ. Chí thành mà không ngừng nghỉ thì rỗng rang, rỗng rang liên tục thì sáng, sáng liên tục thì chiếu khắp cả trời đất, chứ không là gì khác. Đó là cùng tận được cái đạo của tánh mệnh. Thương thay! Con người ai cũng có thể đến được chỗ này, nhưng tại sao dừng lại không làm, không cảm thấy mê lầm ư?

Ngày xưa, Thánh nhân truyền đạo cho Nhan Tử. Nhan Tử nhận được rồi thì giữ vững, chẳng đi xa mà liền quay về được. Trong ba tháng tâm ông ấy chẳng trái với lòng nhân. Khổng Tử nói: “Trò Hồi dường như được rỗng rang chẳng, trò ấy sở dĩ chưa đến được như Thánh nhân vì một hơi thở mà thôi. Không phải không đủ sức làm mà vì chết sớm”.

Những người khác thăng đường cũng chỉ vì muốn truyền trao lại

thôi. Một luồng khí mát, một trận mưa thấm nhuần nhưng người nhận lãnh có cạn có sâu, chẳng ai giống ai. Tăng Tử khi chết nói: “Ta cầu mong gì nữa, ta đã chết một cách ngay thẳng thế này rồi”.

Đó đích thật là lời nói của tánh mệnh. Tử Tư là cháu của Trọng Ni, được đạo của Tổ, thuật lại Trung Dung gồm bốn mươi chín thiên, rồi truyền cho Mạnh Kha. Kha nói: “Ta đến bốn mươi chẳng còn động tâm”.

Môn nhân của Mạnh Kha, những người đạt đạo có Công Tôn Sửu, Vạn Chương, vì họ được Kha truyền.

Gặp lúc nhà Tần đốt sách, Trung Dung chỉ còn lại một thiên không bị đốt, từ đó đạo này khiếm khuyết. Những người truyền dạy chỉ câu nệ vào văn cú, những thuật uy nghi múa kiếm lần lượt truyền trao. Cội nguồn tánh mệnh tôi không thể truyền lại được rồi. Phân tích đến chỗ tận cùng của đạo tất sẽ quay về. Từ lúc sáu tuổi, tôi đã đọc sách nhưng chỉ là cái học của từ chương. Đặt chí vào đạo đã bốn năm rồi, khi luận bàn với người khác tôi chưa từng bảo đó là thấy biết của mình. Nam Quán vượt sông vào đất Việt, lúc ấy Ngô Hưng Lục Sâm còn sống. Quán Luận bàn với Sâm. Sâm nói: “Ông nói đến cái tâm của Ni Phụ, Đông phương có Thánh nhân chẳng? Sao không xuất hiện ở đây? Tây phương có Thánh nhân chẳng? Sao cũng không xuất hiện ở đây? Chỉ có ông thực hành không ngừng nghỉ mà thôi.

Than ôi! Sách về tánh mệnh tuy còn, nhưng người học đâu có ai sáng tỏ. Vì vậy họ bị cuốn hút vào Trang, Liệt, Lão, Thích. Những người không biết thì cho rằng môn nhân của Phu Tử không đủ trí để thông suốt đạo của tánh mệnh. Ai nấy đều tin như vậy. Có người hỏi tôi, tôi đem những gì mình biết nói lại cho họ nghe, rồi viết thành sách nhằm mở ra cội nguồn của sự thành thật, sáng tỏ, bổ khuyết những gì đã bị mai một và lấy tên là Phục Tánh Thư, với ước mong sửa lòng mình, truyền cho người. Than ôi! Nếu Phu Tử tái sinh thì chắc không bỏ lời tôi”.

Phần hai nói:

“Có người hỏi:

- Con người mê muội lâu rồi, muốn quay về tánh tất phải từ từ, dám hỏi có cách gì không?

Đáp:

- Chẳng suy chẳng nghĩ thì tình không sinh. Tình đã không sinh thì đó là suy nghĩ chân chánh, mà suy nghĩ chân chánh tức là không suy không nghĩ. Kinh Dịch nói: “Thiên hạ lo gì, nghĩ gì” hay “Khốn đốn xằng bậy ở trong thành thật”. Kinh Thi nói “Suy nghĩ không xằng bậy”,

hay “Xong rồi ư?” Đáp: “Chưa”.

Đó là những điều ngăn cấm tâm mình, vẫn chưa rời cái tĩnh. Hễ có tĩnh tất có động, có động tất có tĩnh. Động tĩnh không dừng đó chính là tình. Kinh Dịch nói “Xấu, tốt, đáng hối đáng tiếc đều sinh ra từ cái động này”, làm sao trở về lại bản tánh.

Hỏi:

- Vậy làm thế nào?

Đáp:

- Ngay lúc tĩnh biết tâm không suy nghĩ, đó là ngăn cấm. Biết vốn không suy nghĩ động tĩnh đều lìa, vắng lặng chẳng động, đó là chí thành. Trung Dung nói: “Thành thật thì sáng tỏ”.

Kinh Dịch nói: “Mọi chuyển động trong thiên hạ đều thuận nhất qua sự chính bền”.

Hỏi:

- Lúc chẳng suy nghĩ, muôn vật đều nằm ngoài tình hay ở trong tình, làm thế nào dừng? Dừng tình dừng, tình có dừng được không?

Đáp:

- Tình là tà của tánh. Biết nó là tà, vốn không suy nghĩ, lìa cả vắng lặng, thì ý nghĩ tà tự dứt, chỉ có tánh sáng suốt, tà sinh ở đâu. Nếu dùng tình ngăn tình thì đó là tình thái quá. Tình đã dừng thì còn gì nữa.

Kinh Dịch nói: “Nhan Hồi chắc đắc đạo ư! Nếu có lỗi thì chưa từng đã biết, đã biết thì chưa bao giờ làm lại lần thứ hai” Lại nói “Chẳng đi xa mà trở lại, không phải hối hận sự tốt lành”.

Hỏi:

- Vốn không suy nghĩ, lìa cả động tĩnh, vậy thì tĩnh đến cũng chẳng nghe chẳng? Hình của vật cũng chẳng thấy chẳng?

Đáp:

- Không nhìn, không nghe là không phải người. Nghe nhìn rõ ràng mà chẳng khởi nghe nhìn thì không điều gì không biết, không việc gì không làm. Tâm vắng lặng thì chiếu khắp trời đất. Đó là cái sáng của sự thành thật.

Đại Học nói: “Trí tri tại cách vật”. Kinh Dịch nói: “Không suy nghĩ, không làm, vắng lặng chẳng động nhờ đó mà thông suốt muôn việc trong thiên hạ”. Chẳng phải bậc đại thần trong thiên hạ thì ai làm được như vậy?

Hỏi:

- Trí tri tại cách vật là thế nào?

Đáp:

- Vật là vạn vật, cách là đến. Lúc vật đến tâm phân biệt rõ ràng, mà không kẹt trong vật. Đó là cái biết thấu cùng là chỗ cùng tốt của cái biết. Biết cùng tốt nên ý thành thật, ý thành thật nên tâm ngay thẳng, tâm ngay thẳng nên sửa thân, thân có sửa thì nhà mới yên, nhà yên thì nước sẽ thịnh, nước đã thịnh thì thiên hạ thái bình. Đó gọi là người hay hợp được với trời đất. Kinh Dịch nói: “Người đi đến chỗ giống như trời đất, không có gì trái. Trí bao trùm vạn vật, đạo cứu khắp thiên hạ nên chẳng sai lầm. Quyển biển mà không bị lôi cuốn, vui lẽ trời thấu thiên mệnh nên chẳng lo. An tâm với cảnh ngộ, chân thật với điều nhân, nên hay thực hành điều bác ái. Bao hàm cả khuôn khổ biến hóa của trời đất nên không có gì thoát khỏi. Hoàn thành mọi vật mà không bỏ sót vật gì. Thâm nhập vào đạo ngày đêm mà biết hết. Cho nên cái thần không bị hạn chế một nơi nào cả. Kinh Dịch cũng không bị hạn cuộc trong hình thể nào. Một âm một dương thì gọi là đạo là thế”.

Hỏi:

- Ông hãy nói về Trung Dung xem!

Đáp:

- Cũng không ra khỏi cái trước.

Hỏi:

- Tôi cũng chưa rõ, dám hỏi mệnh trời sao gọi là tánh?

Đáp:

- Con người sống mà tính là tánh của trời. Tánh là mệnh của trời, làm chủ tánh thì gọi là đạo.

Hỏi: Nghĩa là thế nào?

Đáp: Làm chủ tức là noi theo. Noi theo nguồn về lại tánh thì gọi là đạo. Đạo tức là chí thành. Chí thành là đạo của trời. Thành tức là định, là chẳng động. Tu đạo thì gọi là giáo. Giáo là đạo của người, biết chọn cái thiện nhưng lại cố chấp. Tu đạo này mà quay về với tánh thì sáng tỏ. Dạy ở đây là dạy cho thiên hạ. Nhan Hồi là con người này. Đạo là cái mà chẳng lìa trong giây lát. Nếu lìa được thì không phải đạo.

Người nói cho rằng tâm không thể động trong giây lát, hễ động thì liền xa tức chẳng phải đạo. Biến hóa muôn phương chưa hẳn lìa khỏi bất động. Thế nên người quân tử cẩn thận với những gì mình không thấy, lo sợ với những gì mình không nghe. Chớ thấy cái ẩn, chớ bày cái nhỏ, vì vậy người quân tử cẩn thận khi ở một mình.

Người nói cho rằng thấy điều không thấy, thì cái thấy nào lớn hơn nữa. Nghe điều không nghe thì cái nghe nào to hơn nữa. Tâm không động tức là thấy được điều không thấy, nghe được điều không nghe.

Con đường về lại không xa, vì vậy cẩn thận khi ở một mình. Người cẩn thận khi ở một mình thì giữ được trung hòa.

Hỏi:

- Ngày xưa, người ta hiểu Trung Dung không giống những gì ông nói là sao vậy?

Đáp:

- Vì họ theo sự mà hiểu, ta theo tâm mà thông.

Hỏi:

- Họ cũng thông ở tâm chăng?

Đáp:

- Ta không biết.

Hỏi:

- Tánh con người giống tánh Thánh nhân, tâm ham muốn thương ghét từ đâu mà sinh?

Đáp:

- Tình là vọng là tà. Đã là vọng là tà thì không có nguyên nhân. Vọng tình dừng dứt thì bản tánh sáng sạch, chiếu khắp sáu phương. Vì vậy nên nói con người có khả năng quay về lại tánh. Kinh Dịch nói: “Đạo trời biến hóa đều khôn chánh tánh mệnh”. Luận Ngữ nói:

“Sáng nghe đạo, chiều chết vẫn vui”.

Vì thường khôn chánh tánh mệnh vậy.

Hỏi:

- Những gì tình mê mờ tánh đã diệt hết rồi, sao lại bảo giống tánh Thánh nhân?

Đáp:

- Nước lắng trong, cái đục ấy chính là bùn đất. Trong cái đục ấy lẽ đâu không có tánh tình chẳng! Lâu ngày không động thì bùn đất tự lắng xuống. Tính sáng trong chiếu khắp đất trời đâu phải từ bên ngoài đến. Cho nên dù vẫn đục nhưng tánh vẫn không mất, đến khi khôi phục lại thì tánh cũng chẳng sinh. Tánh con người cũng giống như nước vậy.

Hỏi:

- Tánh con người vốn hoàn toàn thiện, nhưng tà tình mê mờ, vậy dám hỏi tánh của Thánh nhân có còn bị các thứ ham muốn làm vẫn đục trở lại nữa không?

Đáp:

- Không còn vẫn đục trở lại. Tình vốn tà vọng, do tà vọng che khuất nên tánh không có khả năng khôi phục. Thánh nhân đã quay về với tánh rồi thì biết ngay tình vốn là tà, mà tà đã bị cái sáng soi thấy, thì

sẽ không còn tà, vậy tà từ đâu sinh.

Hỏi:

- Chết rồi đi đâu?

Đáp:

- Nơi Thánh nhân đến không thấy ghi lại rõ. Kinh Dịch nói: “Cổ đầu tất có cuối”.

Cho nên biết, thuyết sống chết là tình khí thành vật, gửi hồn vào thì thay đổi. Vì vậy nhìn hình trạng của quỷ thần, thì biết rõ ngay. Khổng Tử nói: “Chưa biết sống làm sao biết chết?”

Vậy thì khởi ở đằng đầu thì quay về đằng cuối, có thể thấu suốt được cái đạo sống. Đạo sống mà thấu tận rồi thì thuyết về sự chết không học vẫn thông. Đó không phải là điều cần kíp. Ông cứ tu liên tục đi tất tự biết ngay. Ta không thể cứ nói sống mà chẳng ghi chép.

Phần ba nói:

“Người ngày làm đêm nghỉ là phạm phu, người làm nhưng chẳng làm, cùng làm muôn sự, nghỉ mà không nghỉ, cùng nghỉ với muôn vật. Ta thì không liệt vào hạng tầm thường ấy. Ngày chẳng có gì để làm, đêm chẳng có gì để nghỉ. Làm không phải ta làm mà là vật làm, nghỉ không phải ta nghỉ mà là vật nghỉ. Nghỉ ư? Làm ư? Lìa xa hai thứ ấy, nó không tồn tại trong những gì đang hiện hữu của ta. Rốt cuộc không mất nhưng lại lìa. Người không gắng sức với đạo là mê mờ chẳng chịu suy nghĩ. Vạn vật sinh trong khoảng trời đất, con người giống như muôn vật. Con người sở dĩ khác với cầm thú chim muông đâu chẳng phải là đạo đức vẹn toàn đó ư. Thọ nhận một hơi thở thì thành hình, một hình làm người thì có một thân làm vật. Làm được thân người quả vô cùng khó. Sinh ra đời rồi chưa chắc được sống lâu, thân lại khó được mà không chịu chăm chăm trong đại đạo, buông lung tâm mình trong việc làm. Con người sở dĩ khác với cầm thú chim muông là cái chết, nếu mê mờ không chịu suy nghĩ thì cái mê đó rốt cuộc không sáng ra được. Hiện giờ tôi đã ba mươi chín tuổi rồi, nhớ lại lúc mười chín tuổi chừng như mới sáng nay, nhớ lại lúc chín tuổi cũng dường như mới sáng nay. Con người ta sống thọ cũng không hơn bảy mươi, tám mươi năm, chín mươi năm hay một trăm năm thì hiếm lắm. Ngay lúc trăm tuổi mà nhìn lại thời chín mươi, so với tôi bây giờ nhìn lại quá khứ thật cách nhau một trời một vực, lẽ đâu lại cách xa lúc sáng nay chẳng? Thế nhưng con người ta dù thọ đến trăm tuổi nhưng không khác sấm chớp đánh động bên tai, chẳng khác gió thổi qua rồi xoáy vòng trở lại mà thôi, huống gì trong trăm ngàn người chưa chắc có một người sống được trăm tuổi. Vì vậy

trộn ngày tôi đặt chí trong đạo mà vẫn sợ rằng không kịp. Nhưng lòng buông lung tâm mình đó đâu chỉ riêng con người.

Kỷ Dậu: Hang núi ở ba châu Vân, Đại, Uất đá hóa thành mì sợi, dân nhật ăn.

6. Văn bia nói về việc khắc kinh trên vách đá tại chùa TRùng Huyền ở Tô châu:

Việc khắc kinh trên vách đá tại chùa TRùng Huyền, Tô châu hoàn thành. Thứ sử Bạch Cư Dị soạn văn bia rằng:

“Bia ở vách đá phía Đông, vách đá ở tại gốc Tây Nam của viện Quảng Đức Pháp Hoa. Viện nằm cách phía Tây chùa TRùng Huyền vài bộ, chùa nằm ở thành Bắc, cách Tô châu vài dặm. Dùng Hán tự Đường văn khắc kinh điển Phật giáo, từ phẩm kinh, danh hiệu Phật đến chữ Giáng đều có mạ vàng.

Phàm khai thị ngộ nhập tri kiến chư Phật, dùng nghĩa độ thoát vô biên, dùng viên giáo ban trải vô cùng, không gì cao hơn kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Kinh này gồm sáu mươi chín ngàn năm trăm lẻ năm lời. Chứng Vô sinh nhẫn, lập Bất nhị môn, trụ trong Bất tư nghi giải thoát không gì hơn kinh Duy-ma-cật. Kinh này gồm hai mươi bảy ngàn không trăm chín mươi hai lời, thâm nhiếp bốn loài, chín loại nhập Vô dư Niết-bàn. Kỳ thật không có người được độ, thì không gì cao hơn kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, kinh này gồm năm ngàn hai trăm tám mươi bảy lời. Cầu phước giải tội làm thanh tịnh tất cả ác đạo không gì thâm sâu hơn kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni, kinh này gồm ba ngàn không trăm mười lời. Tùy niệm thuận nguyện, nguyện sinh về cõi cực lạc thì không gì mau bằng kinh Di-đà. Kinh này gồm một ngàn tám trăm lời. Dùng chánh kiến quán chân tướng thì không gì hơn kinh Quán Phổ Hiền Bồ-tát Hạnh Pháp, kinh này gồm sáu ngàn chín trăm chín mươi lời. Nêu bày tự tánh nhận ra bản giác thì không gì hơn kinh Thật Tướng Pháp Mật, kinh gồm ba ngàn hai trăm lẻ năm lời. Thấu suốt pháp trần nường nhờ trí Phật thì không gì hơn Bát-nhã Ba-la-mật Đa Tâm kinh, kinh gồm hai trăm năm mươi tám lời. tám bộ kinh này đầy đủ mười hai phần giáo, tất cả một trăm mười sáu ngàn tám trăm năm mươi bảy lời. Yếu chỉ của Tam thừa, bí tàng của chư Phật đều có cả trong đây. Vách đá này chồng thành bốn lớp, cao ba tầm, dài mười lăm trượng, dày hơn một thước, có hoa sen bằng đá đỡ phía dưới, che phía trên. Lại có thạch thần giữ vững phía trước phía sau. Lửa nước không thể đốt cháy, cuốn trôi, gió không thể lay động. Đó gọi là thí pháp vô thượng đến cùng tận

đời vị lai vậy.

Đời Đường, năm Trường Khánh thứ hai, mùa đông bắt đầu khởi công, đến mùa xuân năm Thái Hòa thứ ba thì hoàn thành. Luật Đức Sa-môn Thanh Hoảng đề xướng, Thanh Hải nối tiếp chí nguyện, môn nhân đệ tử Nam Dung hoàn thành, Đạo Tắc kết thúc, Tăng Khế Nguyên trở tài viết lách, Quận thú Bạch Cư Dị ban lời làm bài tán, tán thán:

*Sau Phật diệt độ
Thế giới trống rỗng
Chỉ kinh điển này
Để lại chúng sinh
Nếu có người nào
Chép trên lá bối
Cất trong rương tráp
Chẳng lâu chẳng bền
Như ấn bằng sáp
Giả như có người
Chích máu làm mực
Róc da làm giấy
Người ấy biết chết
Như viết bằng mực
Ôi! Viết bằng mực
Đâu bằng khắc đá
In chữ bằng sáp
Đâu bằng mạ vàng
Công ấy bất hủ
Nghĩa lại thâm sâu
Nên tôi cho rằng
Khắc kinh trên đá
Công đức khế hợp
Tâm Như Lai truyền.*

7. Thiên sư Đan Hà Thiên Nhiên:

Năm này Thiên sư Đan Hà Thiên Nhiên sắp thị tịch, Sư bảo thị giả tắm rửa. Tắm xong, Sư đội nón, cầm trượng, mang giày duỗi chân xuống đất, chân chưa chạm đất thì thị tịch, thọ tám mươi sáu tuổi.

Sư vốn là Nho sinh vào kinh ứng thí. Giữa đường gặp một thiên giả. Thiên giả hỏi Sư:

- Nhân giả đi đâu thế?

- Thi làm quan.
- Thi làm quan đâu bằng thi làm Phật
- Thi làm Phật phải đến đâu?
- Mã Tổ ở Giang Tây ra đời, là trường thi làm Phật.

Sư liền đến yết kiến Mã Tổ, lấy tay rờ chiết khăn trên đầu. Mã Tổ nhìn sư giây lâu rồi bảo:

- Thạch Đầu ở Nam nhạc là thầy của ông, ông nên đến đó đi.
- Sư đến Nam nhạc, cũng làm y như vậy. Thạch Đầu bảo:
- Ra nhà sau đi!

Sư lạy tạ rồi vào phòng cư sĩ tận tâm làm việc.

Sau đó, nhân một bữa đại chúng đi đẩy cỏ, chỉ riêng Sư gọi đầu rôi quỳ trước Thạch Đầu. Thạch Đầu vui vẻ thế phát cho Sư. Cạo xong, Thạch Đầu nói giới, Sư liền bịt tai mà đi.

Sư về Giang Tây yết kiến lại Mã Tổ. Chưa vào đánh lễ Tổ, Sư đi thẳng vào Tăng đường leo lên cổ tượng Thánh tăng mà ngồi. Đại chúng thất kinh đi báo với Mã Tổ. Mã Tổ vào Tăng đường nhìn thấy, nói:

- Con ta, Thiên Nhiên!
- Sư bèn bước xuống, lạy tạ thưa:
- Cảm tạ thầy đã ban cho pháp danh.

Sau đó Sư du phương tham học. Một hôm, Sư nằm ngang trên cầu Thiên Tân. Lưu thú Trịnh Công ra quát đuổi nhưng Sư chẳng ngồi dậy. Trịnh Công gạn hỏi nguyên do, Sư đáp:

- Tăng vô sự.

Trịnh Công lấy làm lạ, hằng ngày cúng cho Sư gạo bún. Dân chúng Lạc Dương đều quy kính Sư. Sư ở tại huyện Đan Hà, Đặng châu, đồ chúng có đến vài trăm.

Có lần Sư dạy chúng:

- Tất cả các ông mỗi người phải tự bảo hộ một vật linh. Vật này không phải do các ông tạo ra bằng mặt mũi, đặt cho tên gọi mà có, chứ đừng nói gì đến cúng hay chẳng cúng. Ngày trước ta yết kiến Hòa thượng Thạch Đầu, Thạch Đầu cũng chỉ dạy ta bảo hộ việc này. Việc này không phải các ông luận bàn được. Tất cả các ông ai nấy đều có chỗ ngồi, còn nghi cái gì? Thiền đâu phải là vật để các ông hiểu được, đâu có Phật để thành, một chữ Phật trọn chẳng thích nghe. Các ông tự xem thiện xảo phương tiện Từ, Bi, Hỷ, Xả đâu phải từ ngoài mà được, chẳng dính đến tác tâm. Thiện xảo là Văn-thù, phương tiện là Phổ Hiền, các ông còn toan tính chạy theo vật gì nữa. Chẳng dùng kinh chẳng rơi vào không. Người học ngày nay lằng xằng lộn xộn, rõ cho là tham thiền hỏi

đạo. Ở đây ta không có đạo để tu, không có pháp để chứng, miếng ăn thức uống đều tự có phần, đâu cần phải nghi ngờ! Mỗi nơi mỗi chỗ có cái gì đâu. Nếu biết Thích-ca tức là phàm phu, các ông phải tự xem lấy. Chớ để một người mù dẫn đám người đui kéo nhau vào hầm lửa, đem tối hai đường, màu sắc mập mờ. Vô sự! Trân trọng!

Có lần Sư trừ tác Ngoạn Châu Ngâm gồm hai thiên. Thiên thứ nhất viết:

Biết được hạt châu trong áo không sáng, liền tỉnh cơn say.

*Trăm thân đều tan rã
 Một vật mãi linh hoài
 Trí cảnh đều không thành
 Thần châu thể không định
 Ngộ thì ba thân Phật
 Mê nghi vạn quyển kinh
 Trong tâm, tâm lờng được
 Ngoài tai, tai khó nghe
 Muôn vật trước trời đất
 Suối huyền vượt mờ mịt
 Vốn cứng chẳng tôi luyện
 Vốn sạch chẳng tẩy rửa
 Bàn bạc vàng mặt trời
 Lung linh hơn sao sáng
 Nguồn sáng tuôn bất diệt
 Chân khí chạm liền sinh
 Soi tỏ hang sâu thẳm
 Bao hàm thế giới là
 Tuyệt phàm công chẳng giảm
 Vượt Thánh quả chẳng đầy
 Tâm Long nữ kính dâng
 Miện Xà vương tự nói
 Làm người, chim sống lại
 Ý Hoàng tước vẫn nhẹ
 Hiểu nói không phải lười
 Hay nói chẳng do thanh
 Vô bến bờ bát ngát
 Như hư không không bờ
 Diễn giáo không phải thuyết
 Nghe tên chợt nhận tên*

*Hai bên đều chớ lập
Đường giữa cũng chớ đi
Thấy trăng quên ngón tay
Về nhà bỏ thừa trình
Biết tâm tâm là Phật
Phật nào còn Thánh nữa.*

8. Lãng Hành Bà:

Lãng Hành Bà có lần yết kiến Hòa thượng Phù Bôi. Đang lúc uống trà, Hành Bà hỏi:

- Nói hết hơi chẳng thấu một câu, phải trao lại cho ai?
- Phù Bôi nay không có lời thừa.
- Tôi chẳng biết nói thế nào!
- Ông làm sao nói được.

Hành Bà vòng tay khóc nói:

- Trong trời xanh càng oan khổ.

Phù Bôi không đáp. Hành Bà nói:

- Nói mà chẳng biết sửa cái hư cho người thì họa sinh.

Sau đó có vị Tăng nói lại việc này với Nam Tuyên. Nam Tuyên nói:

- Khổ thay! Phù Bôi! Lại bị Hành Bà xô ngã.

Hành Bà nghe được lời Nam Tuyên, cười nói:

- Ông thầy Vương này còn có chút cơ mưu.

Thiền giả Trừng Nhất gặp Hành Bà hỏi:

- Thế nào là Nam Tuyên còn có chút cơ mưu?

Hành Bà liền khóc nói:

- Đáng thương! Đáng thương!

Trừng Nhất mờ mịt. Hành Bà hỏi:

- Hiểu không?

Trừng Nhất chấp tay đứng. Hành Bà nói:

- Gã Thiền tăng chết tiệt, như dây gai, như thóc lúa.

Sau Trừng Nhất đem việc này hỏi Triệu Châu. Triệu Châu nói:

- Nếu ta thấy gã Bà hôi thối ấy mở miệng thì bịt miệng lão ngay.

Trừng Nhất thưa:

- Chưa rõ tại sao Hòa thượng hỏi lão ta?

Triệu Châu cầm gậy đánh nói:

- Như gã Thiền tăng chết tiệt này, bây giờ không đánh đợi đến lúc nào nữa.

Rồi Triệu Châu liền tiếp đánh Nhất mấy gậy. Hành Bà nghe Triệu Châu nói thế, bèn nói:

- Triệu Châu tự cướp cây gậy trong tay của Bà này.

Sau, có vị Tăng làm như Triệu Châu, Triệu Châu khóc nói:

- Đáng thương! Đáng thương!

Hành Bà nghe được lời Triệu Châu, liền chấp tay nói:

- Mắt Triệu Châu phóng quang soi sáng khắp tứ thiên hạ.

Sau, Triệu Châu sai Tăng đi hỏi “Thế nào là con mắt Triệu Châu”.

Hành Bà liền đưa lên nắm tay.

Triệu Châu nghe được, liền làm bài kệ gửi tới nói:

Đương cơ nêu trước mặt

Trước mặt cơ phải mau

Báo với Lăng Hành Bà

Tiếng khóc đâu có mắt.

Hành Bà cũng làm bài kệ phúc đáp, nói:

Tiếng khóc thầy đã hiểu

Đã hiểu nhưng ai biết

Đương thời nước Ma-kiệt

Cơ hết cơ trước mắt.

9. Trong con sò hiện hình Bồ-tát: (Tân Hợi)

Văn Tông rất thích ăn sò. Một hôm, trong mâm cơm có một con sò nậy hoài không ra. Trong con sò bỗng hiện ra hình Bồ-tát. Vua thất kinh, liền hạ chiếu đưa hình Bồ-tát ấy đến chùa Hưng thiện để Tăng chúng chiêm bái. Nhân đó vua hỏi thị thần:

- Đó là điềm gì?

Có người đáp:

- Trong núi Thái nhất có Thiên sư Duy Chánh, là người thấu tỏ Phật pháp. Bệ hạ nên hạ chiếu thỉnh đến hỏi xem.

Vua liền thỉnh Chánh vào và hỏi. Chánh đáp:

- Vật không ứng hiện sông, đó là muốn khai mở lòng tin cho bệ hạ đấy. Kinh ghi: “Phải dùng thân hình Bồ-tát để độ thoát, thì hiện ngay thân hình Bồ-tát mà thuyết pháp”.

Vua hỏi:

- Hình Bồ-tát thì hiện rồi nhưng chưa nghe thuyết pháp gì là sao vậy?

Chánh hỏi:

- Bệ hạ thấy việc này lạ thường hay là bình thường hay không

tin?

Vua nói:

- Điềm lành lạ thường, trẫm không tin sao được.

Chánh nói:

- Bệ hạ đã được nghe thuyết pháp rồi còn gì, sao lại bảo chưa nghe.

Vua vô cùng vui mừng, liền hạ chiếu cho tất cả chùa chiền trong nước dựng tượng Quan Âm phụng thờ.

Quý Sửu: Tháng mười, ngày sinh của vua, vua hạ chiếu thỉnh Pháp sư Tri Huyền cùng luận đạo với đạo sĩ tại điện Lâm Đức.

10. Lý Huấn dâng sớ đòi sa thải Tăng Ni: (Ất Mão)

Tháng tư, Tể tướng Lý Huấn dâng sớ xin dẹp bỏ đạo tràng trong cung, sa thải những Tăng Ni lạm dụng, đối tá. Vua đồng ý. Hôm đó vua hạ chiếu, vừa đập pho tượng linh trong đại nội, đột nhiên gió bão nổi lên, chim cú mèo kêu thảm trong điện Hàm Nguyên, thành môn lầu quán tử trong ra ngoài đều hư sập. Bức tường ở cửa Quang Hóa cũng bị sập. Quan dân đều hãi hùng. Vua cho rằng việc Huấn xin trái ý trời. Vua liền lập tức nhiều lần hạ chiếu bảo dừng việc sa thải. Xuống chiếu dựng lại Thánh tượng trong đại nội. Gió bão liền dừng hẳn. Trong Cựu sử Ngũ Hành Chí ghi:

“Tháng mười một năm này, tể tướng Lý Huấn, Trịnh Chú bàn mưu giết hoạn quan. Việc không thành Huấn, Chú đều bị giết.

11. Thiên sư Nam Tuyên Phổ Nguyễn:

Năm này Thiên sư Nam Tuyên Phổ Nguyễn sắp thị tịch. Tọa chủ hỏi Sư:

- Sau khi trăm tuổi, Hòa thượng đi về đâu?

Sư đáp:

- Làm con trâu dưới núi.

- Con theo Hòa thượng được chăng?

- Nếu ông theo ta phải ngậm theo một cọng cỏ.

Sư bèn tập hợp đồ chúng, dạy rằng:

- Hoa đốm, đèn huyễn đến đã lâu rồi, chớ bảo ta có đến đi.

Nói xong Sư thị tịch.

Sư đắc pháp với Mã Tổ, sau về lại Trì Dương, tự dựng thiền thất mà ở. Ba mươi năm nay chưa ra khỏi Nam tuyên (con suối phía Nam). Gặp lúc Tuyên thành Quán sát sư Lục Công Tuyên dùng lễ học trò

thỉnh sư xuống núi, từ đó học chúng bắt đầu vân tập.

Lục Tuyên có lần hỏi:

- Đệ tử từ sáu phương lại đây, trong ấy còn thân không?

Sư nói:

- Nhớ lấy rõ ràng, nói đến phải như thiên lâm cao thủ.

- Hòa thượng thật chẳng nghĩ bàn, đến là khiến thế giới hiện ngay.

- Vừa đến rốt cuộc là việc của Đại phu.

Hôm khác Lục Tuyên thưa:

- Đệ tử hiểu chút ít Phật pháp.

Sư hỏi:

- Trong mười hai thời làm gì?

- Chẳng mảy may đeo níu.

- Vẫn là kẻ dưới thêm.

Nam Tuyên nói tiếp:

- Ông không nghe chăng, quân vương có đạo không nhận bề tôi có trí.

Một hôm thấy có người đổ Song lục (một hình thức cờ bạc ngày xưa), Đại phu liền đưa con xúc xắc lên nói:

- Như vậy hay chẳng như vậy? Lúc chỉ vui chơi như vậy thì thế nào?

Nam Tuyên đưa con xúc xắc lên nói:

- Mười tám khúc xương hôi.

Sư có lần dạy chúng:

“Cái đạo Như Như ấy đã thay đổi mất rồi, Sư tăng ngày nay cứ trà trộn trong đám dị loại”. Lại nói “Trong mọi nơi ta chẳng có chỗ đi, họ nắm ta không được, hô hào là Biến hành Tam-muội, hiện khắp sắc thân”.

Sư nói tiếp:

“Ngày nay không thể không phụng giới. Ta không phải là hấn, hấn không phải là ta, làm được như y chỉ là chôn cáo; trâu trắng bước đi thì dấu chân thoãn thoắt. Nếu có một niệm khác thì ông rất khó tu hành, vừa khởi dị niệm thì liền có thắng thua, đó cũng là tình kiến. Cứ bám cái nhân quả của kẻ khác thì làm gì được tự tại. Lúc mười tám tuổi, Lão tăng đã biết kế sống, ai biết kế sống thì bước ra cùng Lão tăng thương lượng, phải là người ở trên núi mới được. Trân trọng! Vô sư! Mỗi người phải tự tu hành”.

Đại chúng vẫn ngồi yên, Sư nói tiếp:

“Như thánh quả cũng rất đáng sợ, chẳng biết Đại nhân có không? Vì sao? Vả lại ta không phải là gã, gã không phải là ta. Kinh sư, Luận sư cho Pháp thân tối thượng, rồi bảo là cùng tận Tam-muội. Giống như Lão tăng trước đây được người khác bảo phải phản bổn hoàn nguyên, như vậy làm sao gặp phải việc họa. Huynh đệ! Gần đây Thiền sư rất nhiều, tìm một người si độn không hề có. Không phải là hoàn toàn không có mà trong đó rất ít. Nếu có người bước ra cùng ông thượng lượng, thì lúc không có kiếp có người tu hành không? Có hay không. Làm sao nói? Các ông ngày thường miệng lưỡi liến thoắng, đến lúc hỏi thì rốt cuộc không ai nói, sao chẳng bước ra? Chớ nói đến việc Phật ra đời.

Huynh đệ! Người đời nay gánh Phật trên vai, đội Phật trên đầu mà đi, nghe Lão tăng nói: “Tâm không là Phật, trí không phải là đạo” thì liền xúm đầu kháo chuyện của Lão tăng, không phải chỗ ông tìm tòi, nếu ông cột được hư không làm gậy, đánh được Lão tăng thì cho ông tìm tòi.

Sư và môn phong của Triệu Châu đều được thiên hạ suy tôn vào bậc tuyệt xướng.

Ngày mười một tháng chín năm Thái Hòa thứ chín, Thiền sư Viên Trí Đạo Ngô ở Đàm châu thị tịch. Sư họ Trương quê ở Hải Hôn Dự Chương. Lúc nhỏ theo Hòa thượng Bàn xuất gia, thọ giới. Sau Sư đến pháp hội của Dực Sơn và khế ngộ được tâm ấn.

Một hôm Dực Sơn hỏi Sư:

- Ông đi đâu về thế?

Sư đáp:

- Đi đạo núi về.

- Chẳng rời thất này, nói mau đem cái gì về!

- Chim kia trên núi nhàn như tuyết.

Cá lội đáy khe nhọc khôn lường.

Sư và Vân Nham đang đứng hầu. Dực Sơn bảo:

- Chỗ trí chẳng nghĩ tới, tới kỳ nói đến, hễ nói đến là đầu mọc sừng. Trí Đầu-đà ông thấy thế nào?

Sư liền đi ra. Vân Nham hỏi Dực Sơn:

- Sư huynh Trí vì sao không đáp lời Hòa thượng?

Dực Sơn bảo:

- Hôm nay ta đau lưng, ông ấy chắc hiểu, ông nên đi hỏi ông ấy đi.

Vân Nham liền đến hỏi Sư:

- Vừa rồi sao sư huynh không đáp lời Hòa thượng?

Sư nói:

- Ông nên đến hỏi Hòa thượng đi.

(Có vị Tăng hỏi Vân Cư:

- Tối kỵ nói là có ý gì?

Vân Cư đáp:

- Lời ấy độc lắm.

- Sao lại là lời độc?

Vân Cư đáp:

- Một gậy đánh chết rồng rắn.)

Khi Vân Nham sắp thị tịch, có sai người đem thư đến cho Sư. Sư mở ra đọc, nói:

“Vân Nham chẳng biết, tiếc là hồi ấy chẳng nói cho ông ta nghe. Tuy là như vậy nhưng không thẹn là con của Dược Sơn”.

(Huyền giác nói:

- Người xưa tại sao nói rồi mà bảo là chưa nói?

Lại nói:

- Vân Nham đương thời không hiểu, vả lại nói chỗ nào là chỗ ông ấy không hiểu!)

Quy Sơn hỏi Sư:

- Đi đâu về thế?

Sư đáp:

- Khám bệnh về.

- Có bao nhiêu người bệnh?

- Có người bệnh, có người không bệnh.

- Người không bệnh, không phải là Trí Đầu-đà sao?

Sư đáp:

- Bệnh hay không bệnh cũng chẳng liên can gì đến việc ấy, nói mau! Nói mau!

Có vị Tăng hỏi:

- Muôn dặm không mây chưa phải là trời bản lai, vậy thế nào là trời bản lai?

Sư nói:

- Hôm nay trời đẹp thật!

- Bồ-tát không có thần thông tại sao lại khó tìm được dấu chân?

Sư nói:

- Đi cùng đường mới biết được!

- Hòa thượng biết không?

- Không biết.

- Vì sao không biết?

Sư đáp:

- Ông chẳng hiểu ta nói.

Thạch Sương hỏi Sư:

- Trăm năm sau có người hỏi việc cực tặc (rốt ráo) làm sao nói với họ?

Sư gọi:

- Sa-di.

Ông Sa-di đáp:

- Dạ.

Sư nói:

- Thêm nước vào tịnh bình.

Giây lâu sư hỏi lại Thạch Sương Khánh Chư:

- Lúc này ông hỏi cái gì?

Thạch Sương lặp lại y câu trước. Sư liền đứng dậy.

Hôm khác Thạch Sương lại hỏi:

- Một mảnh xương của Hòa thượng gõ kêu như tiếng đồng, tiếng ấy đi đâu?

Sư gọi:

- Thị giả.

Thị giả đáp:

- Dạ.

Sư nói:

- Chậm chạp quá.

Sư than:

- Bệnh thì có khổ.

Tăng chúng đến thăm hỏi. Sư nói:

- Nhận rồi khỏi phải đên. Ông biết không?

Chúng đều buồn thương. Lúc sắp thị tịch, Sư nói với chúng:

- Ta đi xa tí phía Tây nhưng kỳ thật chẳng rời phía Đông.

Nói xong Sư mất, thọ sáu mươi bảy tuổi.

Đồ chúng trà-tỳ, được mấy miếng linh cốt, dựng tháp phía Nam núi Thạch sương. Vua ban thụy là Tu Nhất Đại sư, tháp hiệu Thật Tướng.

12. Văn bia nói về công trạng của Pháp sư Đại Đạt:

Bính Thìn: Đối niên hiệu là Khai Thành. Năm đầu Tả Nhai Tăng Lục Đại Đạt Pháp sư hiệu Đoạn Phủ thị tịch. Sử Quán tu soạn Bùi Hưu soạn văn bia ghi:

“Huyền Bí tháp là nơi gởi linh cốt của Đao Phủ Đại Đạt Pháp sư. Than ôi! Làm kẻ trượng phu tại gia thì nêu cao nhân nghĩa lễ nhạc giúp thiên tử cứu đời dạy người. Xuất gia thì vận dụng Từ bi định tuệ trợ Như Lai để xiển giáo lợi sinh. Bỏ những thứ này thì không đáng là Trượng phu, trái với những thứ này thì không phải là người đạt đạo. Hòa thượng là bậc anh kiệt xuất gia. Hòa thượng họ Triệu, quê ở đất Tần. Hồi ấy mẹ ngài là phu nhân Trương Thị mộng thấy Phạm tăng đến bảo: “Sẽ sinh quý tử” rồi lấy hạt xá-lợi trong đẫy bảo bà nuốt. Đến khi sinh rồi, vị Tăng trong mộng ấy ban ngày đến nhà, xoa đầu đứa bé ấy nói: “Tất sẽ hoàng dương đạo pháp rộng sâu”. Nói xong vị Tăng biến mất. Đến lớn diện mạo của ngài phi phàm, trán cao, mắt to, lưỡng quyền cao, miệng vuông, cao sáu thước năm tấc, tiếng nói như chuông. Phạm muốn gánh vác việc độ sinh của Như Lai, mở tai mắt cho sinh linh, ắt phải có những tướng mạo đặc thù biểu hiện. Đến năm mười tuổi, ngài theo Thiền sư Đạo Ngộ chùa Sùng Phước xuất gia làm Sa-di. Năm mười bảy tuổi thọ Cụ túc. Đến chùa An quốc thọ Cụ túc với Luật sư Tây Minh Chiếu, học trì phạm với Luật sư Thăng chùa Sùng Phước, học đại nghĩa của Duy Thức, Niết-bàn với Pháp sư Tố chùa An quốc. Ngài lại mộng thấy Phạm tăng đến bảo: “Tam tạng Đại giáo đã nằm hết trong thân ông rồi, từ nay ông là Tam tạng Đại sư bậc nhất của thiên hạ, bao quát sơn xuyên, gặp nguồn thì hội nhập, biển trí minh mông đâu thể biết đâu là bờ bến”. Phạm muốn đốn sạch gốc si trong ruộng tình, tưới cam lồ trong giống pháp, ắt phải có dũng trí biện tài. Nếu không sao ngài được yết kiến Văn-thù ở Thanh Lương, Thánh chúng đều hiện; diễn đại pháp ở Thái Nguyên, thính chúng đông nghệt. Đức Tông Hoàng đế nghe danh ngài đã thấy thích, vừa gặp thì rất vui mừng. Ngài thường ra vào cung cấm luận nghị với Nho, Đạo. Được vua ban ca-sa tía, được vua cúng dường hậu hỷ hơn người khác. Vua lại hạ chiếu thỉnh ngài dạy dỗ Hoàng thái tử ở Đông triều. Thuận Tông Hoàng đế rất ngưỡng vọng đạo phong của ngài, thân thiết như anh em, cùng nằm, cùng ngồi, đãi ngộ rất hậu. Hiến Tông Hoàng đế mấy lần xa giá tới chùa. Vua đãi ngài như thượng khách, thường nghe những chỉ bảo của ngài. Thế nhưng Hòa thượng vẫn nêu cao cốt cách, từ lý đều gãy gọn hợp với thánh chỉ, khế với chân thừa. Dù ứng đối rồi bởi nhưng chưa từng lấy việc xiển dương làm việc chính. Từ đó thiên tử càng biết Phật là Đại Thánh Nhân, giáo pháp của Phật có những việc không thể nghĩ bàn. Lúc ấy triều đình mới bình định được khu Hạ, bắt sống bọn Ngô Cán, Thục Trữ, Sái Đăng Vận nên thiên tử cũng rảnh tay vô sự. Vua hạ chiếu thỉnh Hòa thượng thống

lĩnh chư Tăng, rước chân cốt ở Linh sơn, khai pháp đàn nơi Bí điện, để người ta cầu phước, lễ lạy hương khói. Từ đó về sau, chẳng cần hình phạt, chẳng nhọc quân binh, trẻ con không hãi hùng, biển sông không sóng dữ. Đó là sự hiệu nghiệm rõ ràng của việc dùng chân thừa để dẫn dắt chính sự. Phàm muốn xiển dương mỗi đạo không nghĩ bàn, giúp vị vua anh minh tất phải ngầm khế huyền chỉ, nắm vững pháp nghi. Trong mười năm ngài giữ chức Tả Nhai Tăng Lục, là người tiêu biểu trong chúng Tăng, giảng kinh luận Niết-bàn, Duy Thức; luôn sống nhân hòa, truyền thọ tông thừa, khải mê đạo tục, cả thấy một trăm sáu mươi pháp hội, vận tam mật trong Du-già, hợp vô sinh trong Tất địa. Ngày ngày trì các bộ kinh ấy hơn mười vạn biến, chỉ Tịnh độ làm nơi ngả lưng, trì kim kinh để báo ân Phật pháp. Cả đời cúng thí mấy trăm vạn tiền đều dùng trang sức tự viện vô cùng trang nghiêm, còn phương trượng thì giường chiếu đơn sơ, an nhàn tu tập. Danh thần vọng tộc đều ngưỡng mộ, hào kiệt công thương đều cung kính ngài, dâng vàng ngọc để tỏ lòng thành tôn kính ngài mà lạy sát chân, mỗi ngày có đến ngàn người không sao nhớ hết. Thế nhưng, Hòa thượng lại ngay nơi chúng sinh mà quán Phật, lia bốn tướng mà tu thiện tâm vắng lặng như mặt đất bằng phẳng không có gò đồi. Vương công xa giá đến thăm ngài đều thật lòng tiếp đãi, họ bảo rằng người thành tựu hạnh của Bồ-tát Thường Bất Khinh duy chỉ có ngài mà thôi.

Phàm muốn cưỡi thuyền lớn băng ngang đại dương cứu quần mê lên bờ chánh giác thì người ấy tất phải có kỳ công diệu đạo.

Ngày một tháng sáu, niên hiệu Khai Thành năm đầu, ngài nằm nghiêng bên phải gối đầu về Tây mà tịch. Khi ấy trời nóng mà dung mạo ngài vẫn như người sống, đến tối mà dị hương vẫn còn quần quện.

Ngày sáu tháng bảy năm ấy, đồ chúng đưa nhục thân về Nam Nguyên, Trường lạc theo di mệnh mà trà-tỳ, được hơn ba trăm hạt xá-lợi. Vừa đốt thì thần quang sáng rỡ, đốt rồi thì linh cốt như viên châu. Vua ban hiệu là Đại Đạt, tháp hiệu là Huyền Bí. Ngài thọ sáu mươi bảy tuổi, tăng lạp bốn mươi tám hạ. Đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đến hơn ngàn người, có vị giảng kinh luận đạo, có vị trụ trì đại tự. Trong đó có năm mươi vị tu thiện, trì luật. Đồ chúng của ngài toàn là những vị đạt đạo. Than ôi! Hòa thượng quả là bậc anh kiệt xuất gia, nếu không làm sao có được đức độ phi phạm, học chúng đông nhiều đến thế.

Đệ tử thừa nghiệp như Tự Ước, Nghĩa Chánh, Chánh Ngôn... nguyện nêu Tổ nghiệp, truyền trì di phong. Cái đáng sợ là di phong sâu mầu, có lúc mai một. Trong những hiền sĩ, Lưu Công là người có pháp

duyên thâm sâu với ngài, đồng thời lại thông hiểu Phật đạo, nên được mời thỉnh. Lưu Công nguyện quảng bá, lưu truyền đầy đủ những việc bình sinh của ngài, vui lòng tùy hỷ, chẳng ngại tài hèn. Bài Minh viết:

*Ngàn Phật hiền kiếp
 Năng Nhân thứ tư
 Thương sinh linh ta
 Thuyết kinh phá ác
 Lưới giáo bủa cao
 Máy người nhận được
 Có đại Pháp sư
 Như đích thân nghe
 Ba tạng giáo điển
 Giới, định, tuệ học
 Sâu cạn đồng nguồn
 Trước sau đều giác
 Dị tông dị nghĩa
 Ai lấy ai bỏ
 Có đại Pháp sư Làm
 giọt sương mưa
 Theo chân thì trệ
 Theo ngụy thì hèn
 Voi điên vượn cuồng
 Khó kiếm khó giữ
 Gông cùm dao chặt
 Vẫn còn ung nhọt
 Có đại Pháp sư
 Dứt niệm vân du
 Biện tài mở vận
 Đại hùng buông lời
 Ngàn năm ngậm hớp
 Ba thừa sáng soi
 Huệ nặng ân sâu
 Bày giáo dẫn người
 Có đại Pháp sư
 Ứng thời thị hiện
 Mở rộng cửa không
 Dựng cao nhà pháp
 Lương đồng cao vời*

*Một mai ngã xuống
Trăng nước cảnh gương
Trăng không đến đi
Hậu học ngàn sau
Bồi hồi chiêm ngưỡng.*

Đình Ty: Sao chổi xuất hiện, dài tám trượng”.

13. Bài minh trong văn bia của Quốc sư Thanh Lương:

Ngày sáu tháng ba năm Khai Thành thứ ba, Tăng thống Thanh Lương Quốc sư Trường Quán sắp thị tịch, ngài bảo đồ chúng như Hải Ngạn... rằng:

- Ta nghe: Gặp vận mà không lập đại công thì tiên thánh buồn than, làm được thân người mà không có hạnh thì người xưa hổ thẹn. Không thấu được động tĩnh, không luận được đầu mối đến đi chớ chọc thủng dị đoan, chớ thuận phi mà biện ngụy, chớ mê lầm trong tâm tà, chớ cố chấp đấu tranh. Ngọn đèn to không thể phá sạch bóng tối của đêm dài, người mẹ hiền không thể bảo bọc đứa con đời sau, phải tin nơi Phật chớ tin người khác, nguồn chân lìa huyền vi chẳng phải nói năng hiển bày được, cần phải dốc tâm thể nhập thấu hiểu, rành rành trước mắt gặp cảnh vô tâm, gặp duyên thì chẳng động, được vậy mới không cô phụ ta.

Nói xong ngài thị tịch. Ngài sống qua chín triều vua, làm thầy của bảy Đế vương, thọ một trăm lẻ hai tuổi, tăng lạp tám mươi ba hạ. Ngài cao chín thước bốn tấc, tay dài quá gối, ban đêm mắt phát sáng, ban ngày nhìn không chớp, có tài viết cả hai tay, giọng nói như ngân như chuông. Văn Tông kính ngài như Tổ thánh. Hôm ấy vua không thiết triều ba ngày, trọng thần đều mặc tang phục nghinh nhục thân ngài qua dựng tháp ở núi Chung nam.

Sau đó không lâu, có vị Tăng Thiên Trúc vào triều, dâng biểu nói ông gặp hai sứ giả đằng vân đi qua Thông lãnh, liền dùng chú thuật bảo dừng lại, rồi hỏi họ đi đâu. Họ đáp: “Tôi là môn thần của Văn-thù bên Ấn độ, qua phía Đông lấy răng của Bồ-tát Hoa Nghiêm về nước cúng dường”.

Vua hạ chiếu mở tháp, quả nhiên thấy mất một cái răng, thân ngài chỉ hiện còn ba mươi chín cái. Đồ chúng trà-tỳ, xá-lợi sáng rỡ óng ánh, lưỡi có màu hồng như hoa sen. Vua vẫn giữ thụy của ngài là Thanh Lương Quốc Sư, tháp hiệu là Diệu Giác. Tướng quốc Bùi Hưu phụng chiếu soạn văn bia, bài minh trong ấy ghi:

Trăng báu Thanh Lương tịch chiếu pháp giới
Lấy tướng Sa-môn ẩn Thế Gian Giải
Vẳng lặng rỗng rang trong như chuông đỉnh
Tuyết đóng đầy suối rắng phủ núi non
Bảo thất lặng yên núi linh sừng sững
Dung hòa đất trời vượt trên sấm gió
Xa đời nghĩ thân, thật tế rộng khắp
Giúp vua trị nước cứu bọn ngu mê
Khai mở nguồn huyền hàm tàng linh thánh
Đức cao đồn tụ thấy rõ huyền hình
Âm hưởng vào tai tánh đầu tạo tác
Sen xanh khởi bùn sâu không lờng nổi
Vừa thọ giới pháp khép mình như luật
Khởi nguyên kết cục sau trước hài hòa
Diễn xướng nguồn huyền xiển dương bí mật
Văn chương trác tuyệt vận cả hai tay
Muốn đến cửa huyền nêu bày Phật pháp
Tiếp nối tông phong rỗng bay cao ngất
Sớ vang năm đỉnh sáng tỏa hai kinh
Siêu xuất pháp giới công ngang trăm thành
Muôn hạnh tỏa bày hoa khai gấm cổ
Dẫn dắt quần sinh ban cam lộ vị
Tán thán kim kinh truyền trì diệu nghĩa
Thánh chúa thầy trò truyền trao không ngớt
Kinh điển tuyên dương dịch trường siêu xuất
Một khi luận bàn bao lần cao tột
Giảng thuyết trong triều mở tuôn dòng suối
Tung hoành biện luận nêu tỏ lý huyền
Vua cúng tử y ban hiệu Thanh Lương
Chẳng phải thầy ta ai biết đạo lớn
Chín châu tuân mệnh thấp vô tận đấng
Một người bá lạy thống lãnh tăng nhân
Lưỡi châu phủ trùm ngậm thông muôn hộ
Chẳng mất nhiều ngày đồng thời tỏ ngộ
An nhàn tự tại đến đi không dấu
Đại sĩ thấy biết làm thông lý mẫu
Tây vực thờ rặng Phạm tăng liền đến
Tâu xin mở tháp nhan sắc y nguyên

*Dựng bia vẽ hình tướng tức không tướng
Biển dung rộng lớn ẩn trong phương trượng
Thánh nhân đi rồi còn ai nương tựa
Ngay sự là lý tháp ngự Chung Nam.*

Vua ban sắc lệnh vẽ hình ngài phụng thờ ở Đại Hưng Đường Tự.
Văn Tông Hoàng đế ngự chế bài tán:

*Trăm quán pháp giới rộng lớn vô biên
Ứng duyên thành sự toàn dùng hư căn
Quốc sư Thanh Lương mở thông cửa huyền
Rộng ngang pháp giới tổ ta cao vời
Giáo dung biển núi ân tợ đất trời
Nêu cao hai só cứu bạt quần mê
Tái sinh trong đời nối truyền Phật nhật
Bốn biển sáng lòe chín châu an lạc
Nêu tỏ Phật môn vượt trên hiền sĩ
Siêu xuất danh thần khắp nơi cầu học
Nhưng sư giữ mình bảo trì đức hạnh
Chuyên thuật kinh sơ xiển dương việc thật
Chân không vô tận duyên đến thì đi
Mùa thu trăng tròn gió trong thổi mát
Diệu hữu bất biến hết duyên thì tịch
Đức hạnh cao vời sáng lòe tinh xá.*

Kỷ Mùi: Chế tượng kỳ (cờ tướng). Ngày xưa Thần Nông dùng mặt trời, mặt trăng, sao để làm cờ. Tướng quốc Ngưu Tăng Nhụ đời Đường thay thế bằng xe, ngựa, tướng, sĩ tốt và pháo làm quân cơ trong bàn cờ.

14. Thiền sư Khuê Phong Tông Mật: (Kỷ Mùi)

Ngày sáu tháng giêng năm này, Thiền sư Khuê Phong Tông Mật thị tịch. Tướng quốc Bùi Hưu soạn văn bia truyền pháp. Sư họ Hà, quê ở Tây Duyên, Quả châu, là pháp tôn đời thứ ba mươi chín của Thích-ca Như Lai. Phật trụ thế tám mươi năm diễn nói vô lượng pháp môn cho Trời, Người, Thanh văn, Bồ-tát. Sau cùng đem chánh pháp nhãn tạng giao phó cho Đại Ca-diếp, khiến tổ tổ tương truyền biệt hành ở đời. Vì vậy pháp này là bản nguyên của chúng sinh là điều mà chư Phật chứng đắc, vượt tất cả lý, lia tất cả tướng không thể dùng ngôn ngữ trí thức, có không, ẩn hiển mà tìm cầu được, mà chỉ tâm tâm trao truyền, truyền thọ khế hợp, khiến cho mọi người tự chứng thấy biết rõ ràng và tự thọ

nhận mà thôi.

Từ Phật Thích-ca đến Đạt-ma, Đạt-ma đem tâm ấn này sang Đông độ và truyền xuống đến Tào Khê, cả thảy ba mươi ba đời. Tào Khê truyền cho Hà Trạch, Hà Trạch truyền cho Tư Châu Pháp Như, Pháp Như truyền cho Ích Châu Nam Ấn, Nam Ấn truyền cho Toại Châu Đạo Viên, Đạo Viên truyền cho Sư. Với Hà Trạch, Sư là đời thứ năm, với Ca-diếp, Sư là đời thứ ba mươi tám. Thứ tự tông này đúng như vậy.

Sư con nhà hào kiệt thuở nhỏ đã thông Nho học. Một hôm Sư yết kiến Toại Châu Đạo Viên nhưng không gặp và quay về. Giữa đường thấy Đạo Viên nghiêm nhiên như ở trong định, Sư vui mừng mến mộ. Đạo Viên thế phát và cho Sư thọ Cụ túc. Có lần Sư đến nhà thí chủ thọ trai, nhận được Viên Giác Thập Nhị Chương, tụng chưa hết thì hốt nhiên đại ngộ. Sư trở về thưa lại Đạo Viên, Đạo Viên ấn khả. Sư đến yết kiến Thiền sư Thần Chiếu ở Đông kinh. Chiếu hỏi:

- Bồ-tát, người, ông biết được ai?

Sau đó Sư đến yết kiến Thanh Lương Trường Quán. Quán hỏi:

- Tỳ Lô Hoa Tạng cùng ta hay cùng ông vân du?

Đến lúc vị Tăng ở Hán thượng trao cho Hoa Nghiêm Tân Số, Sư liền giảng Hoa Nghiêm. Sau đó ít lâu, Sư trước tác những bộ số sao của những kinh như: Viên Giác, Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Kim Cang, Duy Thức, Khởi Tín, Pháp Giới Quán... và Lễ Sám Tu Chứng ĐỒ Truyện, đồng thời gom tập thiền ngữ của các tông làm thành Thiền tạng và kệ, luận nghĩa, cả thảy hơn chín mươi quyển. Có người cho Sư không chuộng Thiền quán mà chỉ giảng kinh luận, giao du với những người có tiếng tăm trong ấp, trong kinh để dựng đạo tràng là chính, như vậy bị đa văn đưa đẩy, lẽ đâu chưa quên được thanh danh lợi lộc?

Sư đáp:

- Ôi! Nhất tâm là đầu mối của vạn pháp. Phân ra thì thành giới, định, tuệ. Mở rộng thì thành Lục độ, bủa ra thì thành muôn hạnh. Muôn hạnh chưa từng không phải là nhất tâm. Nhất tâm chưa từng trái với muôn hạnh. Thiền là một trong Lục độ mà thôi, làm sao thâm tóm các pháp được? Vả lại Như Lai đem pháp nhãn truyền cho Ca-diếp mà không dùng pháp hành nên tự tâm chứng đắc tức là pháp. Tuy hành mà khởi mới gọi là bị đưa đẩy, tuy được nhưng chưa chắc đã giống nhau. Thế nhưng, nhất tâm là sở sinh của vạn pháp nhưng không lệ thuộc vạn pháp, hễ chứng được thì tự tại trong các pháp, hễ thấy được thì vô ngại đối với giáo. Vốn chẳng phải pháp nên không thể dùng pháp diễn nói. Vốn chẳng phải giáo nên không thể dùng giáo mà truyền, lẽ đâu có thể

lần tìm được dấu vết chẳng!

Từ Ca-diếp đến Phú-na-xa-na, gồm mười tổ đều là bậc La-hán, người được độ cũng là La-hán. Đến Mã Minh, Long Thọ, Đề-bà, Thiên Thân mới mở hạnh Đại thừa viết luận, giải thích kinh. Phá diệt ngoại đạo là Bồ-tát chủ xương, chỉ có Tôn giả Xà-dạ dùng năng lực của giới làm uy thần; Tôn giả Ma-la dùng khổ hạnh làm đạo tích. Còn lại những vị tổ khác, có người chuyên hành pháp giáo, có người chuyên tâm thiền định hoặc thoát thân mà đi, hoặc đốt thân mà tịch, hoặc níu cành cây mà mất, hoặc bị hại để đền nợ trước. Đó là pháp đồng mà hạnh không đồng. Vả lại lần theo dấu vết không phải là thiện hạnh, giữ theo quy củ chữ nghĩa không phải là thiện xảo, không mau chóng không phải là thượng thừa, không siêu việt không phải là đại sĩ. Thế nên Thiền sư hành đạo lấy tri kiến làm diệu môn, lấy vắng lặng làm chánh vị, lấy từ nhẫn là giáp trụ, lấy tuệ đoạn làm kiếm kích, phá tường thành của nội ma, hãm thế trận của ngoại tặc, trấn an tà tạp, giải tỏa vòng vây, gặp cùng tử thì nạt bảo quay về, thấy bần nữ thì thét bảo phải chiếu soi lại thất. Cùng tử chẳng về, bần nữ chẳng giàu, thầy ta thấy hổ thẹn. Tam thừa không thịnh, Tứ phần không vượng, thầy ta hổ thẹn. Trung hiếu không vẹn toàn, không gánh nổi trọng trách, thầy ta hổ thẹn. Vì thế phẫn chấn mà cứu bạt, hồ hởi mà dẫn dắt, không cho một hạnh là cao, không lấy một đức mà đủ. Người đến quy y không đợi họ mới mới đi người đến cầu học, không đợi thỉnh mới giảng. Thế nhưng già trẻ không ngại tiếp đãi, kẻ xác xược vẫn không ngại khuyên răn. Ngài xiển giáo độ sinh, giúp nước nhà an dân như thế. Bởi vậy cách giáo hóa thiết thực của Sư là gặp người nghèo thì ban cho, gặp kẻ bạo thì thúc liễm họ, gặp kẻ cương cường thì tùy thuận, gặp kẻ ngang ngược thì thuận theo, gặp kẻ ngu mê thì khai hóa, gặp kẻ giải đãi thì khích lệ. Với kẻ vinh hoa thì dạy họ khiêm nhường, với người cố chấp thì khuyên họ thay đổi, với kẻ tư lợi thì dạy họ theo phép công, với người nặng tình thì khuyên họ theo nghĩa. Nhờ đó thế tục có người thay đổi cách sống, đoạn tuyệt ăn mặn, có người vâng giữ giới pháp mà thân cận Sư, có người ra làm quan để cứu nỗi khổ cho thiên hạ, có người lui về ở ẩn phụng dưỡng cha mẹ, cúng dường làm phước. Ngoài ra còn biết bao người vui vẻ mà đến, hồ hởi mà đi, phất áo mà tới, thả mãn mà về, thật không đếm xiết. Sư đích thị là Bồ-tát mà Như Lai phó chúc, là bạn lành mà chúng sinh chẳng rời. Sư là một trong Tứ y, là hàng Thập địa Bồ-tát. Tôi không biết cảnh giới sở trụ của Sư rộng hay hẹp thì những người luận bàn lẽ đâu lại biết đại đạo mà sư thú hưởng chẳng.

Sư thọ sáu mươi hai tuổi, tăng lập ba mươi bốn hạ. Tuyên Tông truy tặng Sư hiệu là Định Tuệ Thiền Sư. Môn nhân đệ tử tại gia, xuất gia có đến vài ngàn người.

Canh Thân: Tháng giêng vua mất, di lệnh cho Thái tử coi việc trị quốc. Khi vua mất, Cừu Sĩ Lương lập Đinh Vương là em thái tử lên ngôi, Lý Đức Dụ là Tể tướng.

15. Vũ Tông: (Tân Dậu)

Vũ Tông tên là Viêm, con thứ năm của Mục Tông, mẹ là Vi Thái hậu. Trước khi chết, Cừu Sĩ Lương bảo bọn tay chân rằng: “Thiên tử xa xỉ vô đạo, chớ để vua đọc sách thân cận bọn Nho gia.” Về sau vua uống đan dược, tính tình nóng nảy, vui giận bất thường. Ông thọ ba mươi bốn tuổi, trị vì sáu năm, lên ngôi đổi niên hiệu là Hội Xương.

Từ nhỏ vua đã không ưa Phật giáo. Ông lên ngôi tháng giêng năm này. Tháng bảy ở Quế châu, ngựa sinh con ngựa con ba cẳng. Tháng chín vua mời đạo sĩ Triệu Quy Chân... cả thấy tám mươi một người vào cấm thành dựng Kim Lục đạo tràng ở Tam điện. Tháng mười vua đến Tam điện, lên Cửu tiên huyền đàn nhận Pháp lục. Tả thập Di Vương Triết can:

- Mới dựng vương nghiệp, bệ hạ không nên sùng tín thái quá.
- Nhưng vua không nghe.

16. Thiền sư Vân Nham Đàm Thạnh ở Đàm châu:

Tháng mười năm này, Thiền sư Vân Nham Đàm Thạnh ở Đàm châu thị tịch. Sư họ Vương, quê ở Kiến Xương, Chung Lăng. Thuở nhỏ xuất gia ở Thạch Môn, tham học với Sư Bá Trương nhưng chưa ngộ huyền chỉ. Sư hầu hạ Bá Trương hai mươi năm. Bá Trương tịch, Sư đến yết kiến Dược Sơn, chuyên tâm hầu hạ.

Một hôm, Dược Sơn hỏi Sư:

- Ông làm gì thế?

Sư đáp:

- Gánh phân.
- Ở đâu?
- Ở đây.
- Gánh cho ai?
- Gánh cho người khác.
- Sao không bảo họ cùng làm?

Sư đáp:

- Hòa thượng chớ chê ông ấy.
 - Chẳng hợp thì nói làm gì.
- Sư hỏi:
- Phải nói thế nào?
- Dược Sơn gạn lại:
- Ông từng gánh chưa?
- Ngay câu nói này Sư liền khế hội.
- Một hôm Dược Sơn hỏi Sư:
- Ta nghe nói ông biết múa sư tử phải không?
 - Dạ phải.
 - Múa được mấy xuất?
 - Múa được sáu xuất.
 - Ta cũng múa được.
 - Hòa thượng múa được mấy xuất?
 - Ta múa được một xuất.
- Sư nói:
- Một tức sáu, sáu tức một.
- Sau, Sư đến Quy Sơn. Quy Sơn hỏi:
- Nghe nói Trưởng lão múa sư tử ở chỗ Dược Sơn phải không?
 - Đúng vậy.
 - Múa liên tục hay có lúc nghỉ?
 - Muốn múa thì múa, muốn nghỉ thì nghỉ.
 - Lúc nghỉ sư tử ở đâu?
- Sư đáp:
- Nghỉ, nghỉ!
- Đạo Ngô hỏi Sư:
- Thế nào là Đại Bi ngàn tay ngàn mắt?
- Sư đáp:
- Như lúc không có đèn mà lấy được cái gối, ông nói thế nào?
- Đạo Ngô nói:
- Tôi hiểu, tôi hiểu.
- Sư hỏi:
- Ông hiểu thế nào?
 - Toàn thân là tay mắt.
- Động Sơn nói với Sư:
- Tối thầy xin tròng con mắt.
- Sư hỏi:
- Ông đến với ai?

- Không có Lương giới.
 - Nếu có ông để chỗ nào?
- Động Sơn không đáp. Sư hỏi:
- Người xin trông mắt là con mắt chăng?
 - Chẳng phải con mắt.
- Sư nạt đuổi ra.

Ngày mười sáu tháng hai, Sư tắm rửa xong, gọi chủ sự bảo sắm sửa trai đàn, ngày mai có Thượng tọa đi. Đến ngày hai mươi bảy cũng chẳng thấy ai đi cả. Tối tối, Sư quy tịch thọ sáu mươi tuổi. Đồ chúng trà-tỳ, thấu được hơn ngàn hạt xá-lợi. Vua truy tặng Sư thụy là Vô Trụ Đại sư, tháp hiệu là Tịnh Thắng.

Tháng sáu, vua phong Hoàn Sơn đạo sĩ Lưu Huyền Tĩnh làm Quang Lộc đại phu, đưa vào Sùng Huyền quán học sĩ, sai Tĩnh cùng Triệu Quy Chân ở trong cấm thành tu pháp lục. Tả phụ Khuyết Lưu Huyền Mô dâng sớ ra sức can gián. Vua giáng Huyền Mô ra làm Hà Nam hộ tào.

17. Vua hạ chiếu muốn cầu phép tiên:

Tháng giêng năm thứ ba, vua hạ chiếu rằng:

“Tháng trai giới không ăn thịt phát xuất từ nhà Phật, quốc gia dựng nghiệp gần nhà Lương, nhà Tùy, khanh tướng đại thần có kẻ chuộng cái tệ này. Từ nay, chỉ có tháng giêng là tháng bắt đầu vạn vật, sinh sôi, nên phải không ăn thịt ba tháng, những ngày kỵ của tiên thánh chỉ không ăn thịt một ngày thôi, còn lại không cấm ăn thịt”.

Tháng ba, dùng Đạo sĩ Triệu Quy Chân làm Tả hữu Nhai đạo Môn giáo thọ tiên sinh. Bấy giờ vua khăng khăng muốn cầu phép tiên, thờ Quy Chân làm thầy. Chân lợi dụng ân sủng, nên mỗi lần gặp vua đều bài xích Phật giáo, cho rằng không phải giáo pháp của Trung Quốc, làm tổn hại sinh linh nên dẹp hết đi. Vua rất hài lòng. Quy Chân lại xin được biện luận với Phật giáo. Vua hạ chỉ cho Tăng, Đạo cùng biện luận tại điện Lâm Đức. Pháp sư Tri Huyền lên luận tòa, biện luận tinh thông, bọn đạo sĩ không khuất phục ngài được. Tri Huyền nhân đó tâu:

- Nhà vua phải noi theo phép tắc của lễ, nhạc thì thiên hạ mới thịnh trị, bãi bỏ việc ăn uống là do bọn thất phu ở núi rừng chuyên quyền, xin bệ hạ đừng lưu tâm.

Vua tỏ ý bất bình, thị thần ngâm thơ phú của ngài để giải khuây. Huyền liền dâng năm thiên. Trong ấy có câu “Lưng hạc cong queo lưng rồng nhẵn, quân vương chỉ sống một ngàn năm”. Vua biết ngài thâm

chọc mình, liền đuổi ngài về Tang tử.

Luận rằng: “Xưa Chu Vũ phế Phật giáo, Sa-môn liễu mình tranh đấu gần mấy mươi người, dù không thay đổi được Sư mê lầm của Vũ nhưng đủ thấy giáo pháp ta vẫn có người. Đến lúc Đường Cao Tổ bàn việc sa thải thì Tuệ Thừa, Huyền Uyển, Trí Thật, Pháp Lâm... hùng hồn tranh luận, khảng khái dẫn dụ, không thẹn là những người chân chính trong dòng pháp vương. Từ Đại Lịch về sau, tổ đạo đã hưng, hào kiệt chúng ta đa phần thú hưởng rừng thiền. Đến bấy giờ, Vũ Tông bàn việc phế giáo thì mới biết chỉ có một mình Tri Huyền đứng ra tranh luận mà thôi. Tuy không giải tỏa được định kiến của Vũ Tông nhưng vận số Phật giáo cũng thoát được sự hủy diệt. Phàm là Sa-môn ở trong việc ứng biến không một lời có thể ghi chép, Phật pháp cao rộng như trời cũng chính là cái tội do bọn ta thất học.

18. Dựng Vọng Tiên lâu trong cung cấm: (Giáp Tý)

Tháng giêng, vua cho dựng Vọng Tiên lâu trong cung cấm, nhóm họp bọn đạo sĩ trên ấy để luận bàn việc tiên. Hồi đó, Triệu Quy Chân rất được vua sủng ái. Giám Quan nhiều lần dâng sớ tâu vua. Vua hỏi Tế tướng:

- Giám Quan luận về Triệu Quy Chân, việc này ta muốn cho các khanh cùng biết. Trong cung của trẫm vô sự, đoạn tuyệt thanh sắc, ông hãy nói với mọi người như thế.

Lý Đức Dự thưa:

- Thần không dám nói đến những việc hay dở của tiên triều, Triệu Quy Chân từng ra vào thân cận với triều Kính Tông, xét theo mỗi thâm tình ấy, thần không mong bệ hạ gần gũi ông ấy nữa.

Vua nói:

- Hồi đó trẫm đã biết ông ta, nhưng không biết tên nên gọi là Triệu Luyện Sư. Trong thời Kính Tông, ông ấy cũng không quá ác, trẫm bàn luận với ông ta để giải khuây đó thôi. Còn những việc quân việc nước, trẫm chỉ bàn bạc với các khanh thôi, lẽ đâu đi hỏi đạo sĩ.

Từ đó Tế tướng không can gián nữa. Quy Chân liền dâng vua Thiệp Vật Luận, lại tiến cử La Phù Sơn đạo sĩ Đặng Nguyên Siêu vì Siêu có thuật trường sinh. Vua sai Trung sử đi đón Siêu. Siêu đến liền cùng bọn Quy Chân, Lưu Huyền Tĩnh ra sức bài xích Phật giáo, thế là lệnh đập chùa được ban hành.

Tháng tư, vua sai Tứ Bộ thống kê toàn bộ chùa hiền, Tăng Ni trong nước, tổng cộng gồm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm ngôi chùa, hai

trăm sáu mươi lăm ngàn Tăng Ni.

19. Vua ra sắc lệnh đập bớt chùa chiền trong thiên hạ:

Tháng năm, vua ra sắc lệnh đập bớt chùa chiền trong nước. Trung thư Môn Hạ Quan tâu:

- Những châu nào có quan lại hành hương vào những ngày quốc kỵ thì giữ lại một ngôi, còn các châu khác đều phải đập bỏ. Tất cả tôn dung của liệt Thánh đều phải dồn vào trong một chùa. Hai bên đường của Lương kinh đều giữ lại mười ngôi, Tăng chúng là mười người.

Vua ra sắc lệnh nói:

“Những châu trên, mỗi châu giữ lại một ngôi chùa, có kiến trúc tinh xảo, nếu phá sập đều nên hủy sạch. Ngày hành hương, quan lại nên đến đạo quán, thượng đô. Đông đô mỗi đô giữ lại bốn ngôi, Tăng là ba mươi người”.

Trung thư Môn Hạ lại tâu:

- Chuông, khánh, tượng đồng của những chùa bị đập phải đưa vào lò đúc để đúc tiền, còn tượng sắt phải dồn hết về đây đúc nông cụ. Những tượng bằng vàng, bạc, lụa, đá... phải giao nộp cho Độ chi. Nhà quan lại, thứ dân nếu có tượng vàng, tượng bạc... đều phải đem nộp hết, hạn chót là một tháng.

Tháng tám vua ra sắc lệnh:

“Trẫm nghe thời Tam Đại chưa có Phật. Sau thời Hán, Ngụy Phật giáo mới dần dần nổi lên. Từ đó về sau truyền những thứ khác tục này, nguyên nhân tập nhiễm ngày càng lan rộng, đến nay làm sụp đổ nước nhà mà chẳng ai hay biết, đến nỗi dụ dỗ mê hoặc lòng người làm người ta càng mê. Trong cả chín châu, nơi núi rừng, đồng bằng, thành nội, Lương kinh Tăng đồ ngày càng nhiều, chùa Phật ngày một thêm, lao nhọc sức người, tổn hao tiền của, cướp lấy bảo vật của người trang sức chùa chiền, đặt vua tôi vào hàng thầy trò, gán ghép bữa vào trong giới luật, làm hoại phép tắc, làm hư người ta không gì hơn đạo này. Một kẻ không cày cấy ắt phải chịu đói khổ, nay Tăng Ni trong thiên hạ không biết bao nhiêu mà kể đều đợi nông dân cày mà có cái ăn, đợi người nuôi tầm dệt mà có cái mặc. Vật dụng trong chùa cũng không sao đếm hết, đều là để trang hoàng lộng lẫy, toan tính đến chỗ ở. Tấn, Tông, Tề, Lương người của cạnh kiệt, phong tục bại hoại đều do nhà Phật mà ra. Huống gì Cao Tổ Thái Tông ta dùng võ mà định họa loạn, dùng văn mà trị thiên hạ, nhờ hai thứ này mà kinh bang tế thế, lẽ đâu lại để giáo pháp của một nước cỏn con bên Tây phương đối đầu với phép tắc của

ta sao.

Năm Trinh Quán, Khai Nguyên cũng đã hủy diệt nhưng chưa tận gốc nên mới kéo dài đến bây giờ. Trẫm xem khắp những lời luận bàn kiến nghị của triều trước nên việc thay đổi cái tệ này quyết không nghi ngờ nữa mà ý của trung thần từ trong ra ngoài đều hợp ý trẫm. Điều lệnh này đến phải thi hành ngay. Nêu cái tệ của ngàn xưa làm thành phép của trăm vương, làm lợi cho muôn dân, ta còn e ngại gì nữa. Những chùa bị đập phá, Tăng Ni phải hoàn tục nộp tô thuế.

Than ôi! Đời trước chưa làm dường như có ý chờ đợi, đến nay đập hết lễ dẫu không đúng lúc. Đuổi bọn lười biếng du thủ du thực đến năm mươi vạn người, đập bỏ những ngôi nhà nguy nga vô dụng đến sáu mươi ngàn ngôi, từ đó mà thanh tịnh dạy người, khiến họ ưa lý vô vi, dễ dàng mà cai trị, thành công ngay trước mắt, khiến cho dân đen khắp sáu phương đồng theo vương pháp. Ngày nào cải cách vẫn còn chưa biết, nay ban lệnh này để trẫm quan biết ý trẫm”.

20. Vua hạ chiếu phế bỏ đạo Phật: (Ất sửu)

Tháng ba, vua không thiết triều, theo bọn phương sĩ uống kim đan, nhận pháp lục đến nỗi tánh tình buồn vui thất thường và dẫn đến bệnh nặng. Cả mười ngày, vua không nói được và chết, thọ ba mươi ba tuổi.

Trong Cựu Sử tán ghi:

“Lệnh phế bỏ Phật giáo của Chiêu Tông, Túc Tông, bắt tội những người du phương, lười biếng là muốn thay đổi di phong, cải cách phong tục mà không thấy cái khúc học của Tiêu Diễn, Diêu Hưng, không tỏ được cái vọng cầu của Thỉ Hoàng, Hán Vũ. Vì vậy mà bị mê hoặc vì lời của bọn tà đạo, một mực bài xích giáo pháp của dị phương. Hướng gì pháp của nước Thân độc lan sang phía Đông đã ngàn năm rồi, muôn dân chất phác cũng quen thành tập tục. Đáng sợ vì giáo pháp Phật còn hơn quốc pháp, vui là vì đồ chúng Phật chẳng khác bọn tiên. Còn như những người hủy hình cắt tóc chỉ là trò đùa phun lửa, nuốt thuyề mà thôi. Lễ dẫu có thể khuôn chánh học bằng Hàm Thiệu, bó buộc họ bằng Chương Phủ được sao. Thêm vào đó, bọn gian nịnh như Trúc Dung, Hà Sung không đời nào chẳng có. Dù những người hiền tài như Tuân Khanh, Mạnh Tử cũng chưa chắc chịu phản đối. Một sớm ra tay đập đổ tượng Phật, thiêu hủy kinh điển, rớt cuộc chuốc oán với Sa-môn, gây hận với thất phu. Việc làm của Triết Vương quả thật chẳng biết sợ tình người. Đời trước tồn tại mà chẳng bàn đến, thật là đúng đạo. Muốn cải cách mỗi tệ phải đợi đến lúc thái bình. Chiêu Tông, Mục Tông đáng gọi

là bậc minh quân nhưng lại đồng lõa với mối tệ vậy”.

Luận rằng: “Trong Cựu sử Vũ Tông Kỷ ghi việc trừ bỏ Phật giáo rất tường tận. Đương thời bọn đạo giáo lợi dụng việc ân sủng cố sức khuynh hại đạo pháp ta, nhưng cũng do đại thần Lý Đức Dụ phụ giúp mới nên việc”.

Trong Tân sử ghi:

“Vũ Tông điềm nhiên thẳng tay phế trừ Phật giáo, bản thân ông thì nhận pháp lục của đạo gia, uống thuốc cầu trường sinh. Đó đủ thấy ông ấy chẳng sáng suốt, chẳng mê hoặc mà chỉ là tốt xấu không đồng mà thôi.

Than ôi! Vũ Tông chẳng sáng suốt, chẳng mê hoặc lẽ đâu chỉ có Thích, Lão là có tốt xấu không đồng thôi sao. Ông ấy chỉ tin Lý Đức Dụ, kẻ chuyên quyền bày mưu, bè đảng đấu đá nhau, tuy cũng có công dẹp trừ bọn phản loạn, nhưng thành công chẳng thấy ngược lại gây oán với trăm họ. Nếu ông ta nắm quyền lâu nữa thì có khác gì Lý Lâm Phủ đâu”.

Người xưa nói:

“Thượng lưu bị tội thì trời phạt, thứ dân bị tội thì ắt chết. Khác nhau thay”.

Báo Ứng truyện ghi:

“Ngày rằm tháng giêng, có một người ban đêm đến lăng của Mục Tông. Bỗng nghe có người nói chuyện, ông cho là kẻ trộm liền vạch bụi rậm tìm, lúc đó bỗng có người mặc lụa đỏ cầm cuốn sổ hỏi:

- Mộ nằm ở đâu?

Có hai viên quan bước ra thưa:

- Ngay đây.

- Lục Hải Tây Quân sứ giả đến chưa?

- Ngày mười tám mới đến được.

- Sao thế?

- Vì Lý Viêm phá hủy Thánh giáo, giảm thọ mười hai năm, đang cùng Hải Tây Quân tính tội phước rồi mới đến.

Lúc bấy giờ có người lái buôn từ phía Đông đến, cùng tìm nhưng chẳng thấy. Năm đó, quả nhiên Vũ Tông chết”.

Bính Dần: Tháng ba, vua mất. Con còn nhỏ, Hoàng Thái thúc lên nối ngôi. Tháng tư đày Lý Đức Dụ ra làm Kinh Nam Tiết độ sứ.

21. Tuyên Tông: (Đinh Mão)

Tuyên Tông tên là Thẩm, con thứ mười ba của Hiến Tông. Ban

đầu ông được phong làm Quang Vương rồi nhường ngôi cho cháu Văn Tông là Vũ Tông. Về sau, Vũ Tông vô đạo đánh ông ngất và vứt trong nhà xí. Hoạn quan Cừ Công, Vũ Tiềm Thâu cứu ông, ông thế phát làm Tăng. Sau đó ông được nhận lại chức Giang lăng Thiếu doãn. Khi Vũ Tông bệnh chết, lập Quang Vương làm Hoàng Thái thúc và lên ngôi trước linh cửu của Vũ Tông. Do lưu lạc ở dân gian nên ông biết rõ mầm móng phản loạn. Vì vậy ông cần mẫn lo cho dân, cho nước. Nhìn lại sự hôn mê bạo ngược của Vũ Tông, ông cho dựng lại rất nhiều chùa chiền. Ông mất ở điện Hàm Ninh, thọ năm mươi tuổi, an táng ở Trinh lăng. Trị vì mười ba năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Đại Trung.

22. Vua hạ chiếu phục hưng Phật giáo:

Tháng ba, vua hạ chiếu:

“Cuối năm Hội Xương, chùa chiền đều bị đập phá, tuy nói là giáo pháp của dị phương, kể ra cũng đúng nhưng người Trung Quốc từ lâu đã hành trì Phật pháp, cải cách quá đáng, sự thể sai lầm. Những chùa chiền bị đập phá trong năm Hội Xương thứ năm cùng các vị Đại đức của những chùa ấy vẫn tịnh tu lại nơi cũ, tu sửa chùa chiền mời họ trụ trì.

23. Cư sĩ Bạch Cư Dị ở Hương sơn:

Năm này, Thượng thư Bạch Cư Dị mất, thọ bảy mươi lăm tuổi. Vua tặng ông chức Thượng thư Tả bộc xạ và dùng thi ca đến phúng viếng. Khi Bạch Cư Dị gặp được Hiến Tông, không việc gì ông không bày tỏ. Ông chỉ là người hiền vạch kẻ nịnh, phần nhiều vua nghe theo. Nhưng nửa chừng bị đổ kỵ nên ông bị đuổi. Nỗi lòng không được bày tỏ nên ông phóng tâm trong thi ca, rượu chè hay tùy thuận cảnh ngộ, phó thác mình trong thuyết sống chết của nhà Phật, dường như quên cả hình hài. Về sau, ông được vua dùng lại, nhưng vua còn nhỏ, càng uyển chuyển thì lại càng không hợp. Không bao lâu ông cáo bệnh rồi đi, thế là không toại ý lập được công danh.

Ông kết thân với em là Hành Giản và em cùng họ là Mẫn Trung. Ông về quê ở Đông đô, quanh nhà khơi mương trồng cây, xếp đá làm lầu, ông đục tám khe nước ở Hương sơn, lấy tên là Túy Ngâm tiên sinh để bày tỏ chí mình. Về già ông rất mến mộ Phật pháp. Cả tháng không ăn mặn, tự lấy hiệu là Hương Sơn Cư sĩ, thường giao du với Hồ Cảo... cả thấy chín người đều là những người không chịu làm quan. Người ta mến mộ bèn theo cả thấy chín ông già ấy trên lụa. Bạch Cư Dị rất giỏi văn chương mà nhất là thi phú. Đương thời văn nhân đua nhau truyền tụng.

Hồi ấy mới sinh được bảy tháng, ông đã biết giở sách, nhũ mẫu chỉ hai chữ “Chi, Vô” và thử đến trăm lần nhưng ông chỉ không sai. Lên chín tuổi ông ngâm hiểu được âm luật, dốc lòng trong văn chương, âu đó cũng là thiên tính. Sau khi mất ông cúng dường đất đai nhà cửa của mình làm chùa. Tuyên Tông thương tiếc tài ông, cất nhắc em ông là Mẫn Trung lên làm Tế tướng.

Có lần ông bị bệnh ở chân, ông quỳ trước tượng Phật Di-đà khẩn nguyện, rồi làm bài ký rằng:

“Đức Bổn Sư Thích-ca Như Lai chúng ta nói:

“Từ đây đi về phương Tây qua mười vạn ức cõi Phật có một thế giới tên là Cực lạc. Vì muốn cõi nước ấy không có tám khổ, bốn ác đạo. Nước ấy tên là Tịnh độ vì không có ba độc, năm trước. Đức Phật ấy hiệu là A-di-đà”. Vì thọ mạng vô lượng, bốn nguyện vô lượng, công đức, tướng hảo, quang minh thấy đều vô lượng. Ngài quán xét chúng sinh trong cõi Ta-bà này không có hiền ngu, không có sang hèn, không có già trẻ. Nếu người nào phát tâm quay về với Phật chỉ chấp tay đều hướng về Tây phương. Người sợ nguy, khổ não mở miệng thì liền niệm A-di-đà. Lại nữa, người đúc vàng, đắp đất, chạm đá, thêu lụa cho đến trẻ con dùng nước vẽ, lấy cát đắp đều nắn tạo thân tượng A-di-đà là trước hết chẳng biết vì lý do gì mà ai nấy đều làm như vậy. Từ đó mà xét đức ấy quả có đại thế nguyện với chúng sinh trong cõi này, chúng sinh có đại nhân duyên với cõi nước kia, thật quá rõ ràng. Nếu không, Đông, Tây, Nam, Bắc, quá khứ, hiện tại, vị lai có vô lượng Phật, tại sao chỉ niệm Phật Di-đà. Tại sao chỉ làm như vậy”.

Đường Trung Đại Phu Thái Tử Thiếu Phó Bạch Cư Dị, trong những năm cuối đời lại mắc bệnh phong thấp, bèn cúng ba mươi vạn tiền nhờ thợ vẽ Đỗ Kính Tông dựa trên hai bộ kinh A-di-đà và Vô Lượng Thọ, vẽ bức họa đồ về thế giới Tây phương, cao chín thước, rộng một trượng ba thước. Trong đó Phật A-di-đà ngồi ở giữa, Quán Âm Thế Chí đứng hầu hai bên, trời người chiêm ngưỡng, quyến thuộc vây quanh, đàn đài kỹ nhạc, cây nước hoa chim, bảy báu trang nghiêm năm màu giăng tỏa, rực rỡ huy hoàng thành tựu công đức. Đệ tử Bạch Cư Dị đốt hương quỳ khấu lạy trước Thánh tượng, khởi tâm Từ bi, phát thế nguyện lớn, nguyện đem công đức này hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Tất cả chúng sinh nếu người nào già như con, bệnh như con nguyện cho họ lìa khổ được vui, bỏ ác tu thiện, chẳng ra Nam thiệm mà liền thấy Tây phương. Bạch hào phóng quang, tùy niệm liền đến, sen xanh thượng phẩm tùy niệm vãng sinh, từ thân hiện tại đến tận vị lai thường gần gũi Phật, tận tâm

cúng dường. Con muốn nêu lại nghĩa này nên làm lời tán:

*Thế giới cực lạc cõi thanh tịnh
Không có ác đạo và thống khổ
Nguyện những ai già bệnh như con
Đều được sinh về cõi Phật ấy.*

24. Vua hạ chiếu giáng chức Lý Đức Dụ: (Mậu thìn)

Tháng chín, vua hạ chiếu nói:

“Triều châu Tư mã Lý Đức Dụ vốn tàn hại môn đệ, dẫm xéo vương uy, nhiều lần ở trong vinh hiển tướng võ tướng văn nhưng chỉ làm kẻ gian nịnh khuynh loát. Trong những năm Hội Xương, Dụ là người được ân sủng nhất trong hàng vương công, liền đua nịnh để được lòng vua, cứ ngang bừa mà nắm chính sự, chuyên quyền sinh sự, ghét hiền hại trung, lăm mưu nhiều mẹo ngầm ôm lòng phản nghịch, gặp việc ngay thì phớt bỏ, gặp việc lành thì bài xích, vu cáo trung lương, lập bè kết đảng để cầu danh, dung túng gian nịnh, ngụy tạo công lao để được tiếng khen, mưu kế quỷ như cầm thú, tội kia thật đối cả trời. Bọn thuộc hạ ngang ngược tứ phương chưa từng biết nhường nhịn, đẩy quốc sử vào tay rể yêu, hãm bí văn trong thân con hèn, đến như thư tín cũng bị tay chân y quyết đoán. Dựa theo Nguyên Hòa Thực Lục thì những sách không khắc bản lại chuyên quyền sửa đổi không hề biết sợ, cướp lấy công cán của người ta làm tài năng siêu tuyệt cho mình, giúp ẩn tình của Lý Vinh, kết ân oán với Ngô Tương, dù nhổ hết tóc của y, tội ấy vẫn chưa hết. Cứ xem ông ấy khinh lờn, đủ thấy trong mắt chẳng có vua. Trẫm vốn giữ thể diện cho y nên từ lâu vẫn có ý bao dung, dù đuổi về làm dân thường, tức bỏ hết bổng lộc thì vẫn còn động lại hình thù hôi thối để liếc xem.”

Dụ tỏ ý kinh sợ nhưng vua không nghe, tội ác quá nhiều công khanh cũng hết đường xin giúp. Vua đày Dụ ra Nhai châu Ty hộ. Không bao lâu Lý Đức Dụ xấu hổ rồi chết. Dụ báo mộng khổ cầu với Tể tướng Lệnh Hồ Đào, xin ông an táng xác mình. Kẻ trí thức gọi ông là “Hồn dữ tuy chết nhưng chẳng đáng thương”.

Luận rằng: Lý Tập Chi đời Đường nói:

“Sử quan chép việc không được ghi thật, bèn dựa hành trạng gọi là thụy. Phàm là hành trạng đều do môn sinh, quan cũ viết nếu lời lẽ hư dối lại càng không đáng tin. Tôi xem hành trạng của Lý Đức Dụ do Trịnh Á vốn là quan nhất phẩm trong năm Hội Xương viết, trong ấy cũng phô trương công lao của Đức Dụ giống y như Tân sử. Nhưng Cựu

sử Vũ Tông Kỳ thì ghi các ác xấu của Đức Dụ rất hợp với ngôn từ trong chiếu chỉ. Như vậy Tân sử vẫn tin theo lời lẽ của bọn quan cũ, lẽ đâu không phải làm mê lầm cho hậu lai đó sao.”

25. Thiên sư Hoa Lâm Thiện Giác:

Hồ nam Quán sát sư Bùi Hưu đến yết kiến Thiên sư Hoa Lâm Thiện Giác. Hưu hỏi:

- Sư có thị giả không?

Sư đáp:

- Có một hai người.

- Ở đâu không thấy?

Sư bèn gọi:

- Đại Không! Tiểu Không!

Lúc ấy hai con hổ từ sau am bước ra, Hưu thấy thất kinh. Sư nói với con hổ:

- Đi đi! Nhà có khách.

Hai con hổ gầm gừ rồi đi. Hưu hỏi:

- Sư làm hạnh nghiệp gì mà cảm được như vậy?

Sư im lặng giây lâu rồi hỏi Hưu:

- Hiểu không?

- Không hiểu.

Sư nói:

- Sơn tăng thường niệm Quán Âm.

Hưu nghe, tán thán rồi quay về.

Sư ẩn cư, ban đêm thường cầm trượng xuống chân núi. Cứ đi bảy bước, Sư chống tích trượng và xưng niệm danh hiệu Quán Âm.

Một lần có vị Tăng đến tham học, vừa mới trải tọa cụ. Sư nói:

- Thong thả đã.

Tăng thưa:

- Hòa thượng thấy cái gì?

Sư nói:

- Đáng tiếc để đá cuội phá vỡ lầu chuông.

Vị Tăng nghe liền tỉnh ngộ.

Kỷ Ty: Tháng giêng trong đám mây ngũ sắc bỗng hiện chân thân Phật. Lại ở các châu như Hà, Hoàng Qua, Sa Y, túc... cả thủy mười một châu, trong chùa cũng đều có hiện tượng đó.

26. Thiên sư Hoàng Bá Hy Vận:

Sư quê ở Phước Đường, dung mạo tuấn tú, từng du phương tham học. Sau đến yết kiến Mã Tổ. Mã Tổ thị tịch. Sư đến yết kiến Bá Trượng và hỏi về cơ duyên hàng ngày của Mã Tổ. Bá Trượng bảo Sư tham cứu lại chuyện dựng phát tử của Mã Tổ. Ngay câu nói đó, Sư đại ngộ. Bá Trượng nói:

- Ngày sau ông nối pháp Mã Tổ.

Sư thưa:

- Không! Ngày nay nhờ Hòa thượng nhắc lại con được thấy đại cơ, đại dụng của Mã Tổ. Nếu con thừa kế Mã Tổ, về sau con sẽ mất hết con cháu của con.

Bá Trượng nói:

- Đúng thế, đúng thế! Thấy bằng thầy là kém thầy nửa đức, thấy vượt hơn thầy mới kham nổi việc truyền trao.

Từ đó Sư trà trộn trong chúng, mãi đến khi gặp Quán sát sứ Bùi Hưu ở Dự Chương, đạo duyên khế hợp, Sư mới bắt đầu xuất chúng giảng pháp.

Có lần Sư dạy chúng:

- Các ông còn muốn cầu cái gì nữa?

Nói rồi lấy gậy đuổi họ đi nhưng chúng vẫn không đi. Nhân đó Sư nói:

- Các ông toàn là bọn ăn hèm thế mà lại hành cước để người ta chê cười, thà thấy tám trăm, một ngàn người giải tán còn hơn xúm lại ồn ào. Lúc ta đi hành cước nếu gặp một gã nằm trên đất thì liền xem gã một mạch từ đầu đến chân. Nếu biết có bệnh, liền lấy đũa đựng đầy gạo đem đến cúng dường ông ta. Thế nhưng việc ấy nếu dễ dàng như thế này thì làm gì có việc hôm nay. Các ông đã xưng là hành cước cũng cần phải có chút tinh thần như vậy mới biết được. Trong nước Đại Đường không có Thiên sư.

Có vị Tăng bước ra thưa:

- Như tôn túc các nơi nhóm chúng chỉ dạy, sao lại nói không có Thiên sư?

Sư nói:

- Không phải không có Thiên, chỉ là không có Sư. Ông không thấy sao, dưới pháp hội Mã Tổ có đến tám mươi bốn người nhưng được chánh nhãn của Mã Tổ thì có hai, ba người mà thôi. Hòa thượng Quy Tông là một trong số ấy.

Phàm người xuất gia phải biết việc từ trước. Hơn nữa, Đại sư Ngưu Đầu Pháp Dung dưới pháp hội Tứ Tổ dù nói dọc nói ngang vẫn chưa

biết mấu chốt hướng thượng. Có con mắt và khối óc này mới biện được tông đảng chánh tà. Người thời nay không thể hội được sự, chỉ biết học trên khái niệm ngôn ngữ, an thân trong dây da rồi bảo là hiểu thiền, như vậy thay thế việc sống chết cho ông được không? Xem thường Tôn túc thì vào địa ngục như tên bắn. Ta vừa thấy người vào cửa liền biết ngay. Các ông biết không? Phải gấp rút nỗ lực hành trì, chớ cho là việc dễ. Thọ nhận chén cơm manh áo mà luống phí một đời tất bị người sáng mắt cười chê. Càng về sau ắt bị thế tục lôi đi, phải nhìn xa trông rộng, biết rõ việc gì trên hết. Nếu hiểu thì hiểu ngay, bằng không thì giải tán đi.

Năm Đại trung thứ ba, Sư tịch ở Hoàng Bá. Vua sắc phong sư thụy là Đoạn Tế Thiền sư, tháp hiệu là Quảng Nghiệp.

27. Vua hạ chiếu mời Thiền sư Hoàng Biện vào cung hỏi về tông chỉ Nam Bắc:

Vua hạ chiếu mời Thiền sư Hoàng Biện ở chùa Tiến Phước Kinh triệu vào cung. Vua hỏi Sư:

- Thiền tông sao lại có Nam Bắc?

Sư đáp:

- Thiền môn vốn không Nam Bắc. Xưa Như Lai đem chánh pháp nhân truyền cho Đại Ca-diếp và lần lượt truyền được ba mươi mốt đời. Đại sư Hoàng Nhẫn của nước ta có hai đệ tử, một người tên Tuệ Năng nhận y pháp về Lãnh nam, một người tên Thần Tú xiển hóa ở phía Bắc. Tuy cùng đắc pháp một lần nhưng khai đạo tỏ ngộ có đốn có tiệm, vì vậy mà gọi là Nam đốn Bắc tiệm, chứ không phải Thiền tông có Nam có Bắc.

Vua hỏi:

- Sao gọi là giới, định, tuệ?

Sư đáp:

- Phòng phi chỉ ác gọi là giới; sáu căn tiếp xúc với cảnh nhưng tâm không chạy theo thì gọi là định; tâm cảnh đều rỗng rang, rõ ràng không mê hoặc thì gọi là tuệ.

Vua hỏi:

- Sao gọi là phương tiện?

Sư đáp:

- Phương tiện là ẩn cái thật, che cái tướng là cửa ngõ quyền xảo để dẫn dắt kẻ trung căn hạ căn. Nếu là người thượng căn thì không nói phương tiện mà chỉ nói đến đạo Vô thượng, đó cũng là lời nói phương

tiện. Nhấn đến những lời nhiệm mầu của Tổ sư nhằm quên công, dứt quả cũng không ngoài phương tiện.

Vua hỏi:

- Sao gọi là tâm Phật?

Sư đáp:

- Phật là giác, nghĩa là người có trí tuệ giác chiếu thì gọi là tâm Phật. Tâm là tên gọi khác của Phật, như vậy có đến trăm ngàn tên gọi khác nhau. Thể vốn chỉ có một, không hình không tướng, chẳng có các tướng xanh, vàng, đỏ, trắng, nam, nữ. Ở trời nhưng chẳng phải trời, ở người nhưng chẳng phải người mà hay hiện trời hiện người, hiện nam hiện nữ, chẳng phải đầu chẳng phải cuối, không sinh không diệt. Vì vậy được gọi là tánh linh giác. Như bệ hạ hàng ngày gặp muôn việc, đó là tâm Phật của Bệ hạ. Giả sử ngàn Phật cùng truyền thì cũng không có sở đắc nào khác.

Vua hỏi:

- Như nay có người niệm Phật thì thế nào?

Sư đáp:

- Như Lai xuất thế làm thầy của trời người, tùy căn cơ mà thuyết pháp. Nếu là người thượng căn thì Phật nói lý tột cùng đốn ngộ của thượng thừa. Nếu là trung căn hạ căn chưa thể hiểu ngay được thì Phật khai thị mười sáu quán môn, như nói cho bà Vi-đề-hy nghe, để họ niệm Phật cầu sinh Cực lạc. Thế nên kinh dạy:

“Tâm này là Phật, tâm này làm Phật, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm”.

Vua hỏi:

- Còn người trì kinh, trì chú, cầu Phật thì thế nào?

Sư đáp:

- Như Lai thuyết vô lượng pháp đều vì Nhất thừa tối thượng, như trăm ngàn dòng chảy thủy đều đổ về biển. Như vậy các duyên sai biệt cuối cùng cũng kết quy về biển trí.

Vua hỏi: Tổ sư đã truyền tâm ấn, kinh Kim Cang nói:

“Không có pháp để chứng đắc”, là thế nào?

Sư đáp:

- Phật một đời giáo hóa, thật ra không có pháp nào cho người. Đó chỉ là chỉ bày cho tất cả chúng sinh thấy rằng mỗi mỗi tự tánh đều đồng với pháp tạng. Đương thời pháp mà Nhiên Đăng Như Lai ấn chứng cho Phật Thích-ca, thì phải vô sở đắc mới khế hợp được bản ý của Nhiên Đăng. Thế nên kinh nói: “Không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả”.

Nghĩa là pháp ấy bình đẳng, tu tất cả điều thiện mà không hề chấp tướng.

Vua hỏi:

- Thiên sư đã lãnh hội được ý Tổ, có còn lạ Phật, xem kinh nữa không?

Sư đáp:

- Sa-môn lạ Phật, xem kinh đó là nắm giữ thường pháp, đền đáp bốn ân. Nương giới Phật mà tu thân, tham tìm tri thức mà dần dần tu phạm hạnh, đi theo dấu vết mà Phật đã từng đi.

Vua hỏi:

- Thế nào đốn kiến, thế nào là tiêm tu?

Sư đáp:

- Thấy ngay tự tánh cùng Phật không khác, nhưng có những tập nhiễm từ vô thủy, nên phải nhờ tiêm tu để đối trị dần dần khiến thuận tánh mà khởi dụng. Ví như người ăn cơm đâu phải một búng là no ngay.

Hôm ấy vua và Sư đối đáp đến hơn cả canh giờ mới bãi. Vua vui mừng, ban Sư hiệu là Viên Trí Thiên sư.

28. Văn bia khôi phục chùa Đông Lâm ở Lô sơn:

Giang châu Thứ sử Thôi Âm khôi phục lại chùa Đông lâm ở Lô sơn, Âm tự viết văn bia, đại loại nói:

“Tâm của Phật lấy cái rộng rang giáo hóa kẻ chấp trí, lấy phước lợi giáo hóa kẻ chuộng nhân, lấy duyên nghiệp giáo hóa những nghề nghiệp sai lầm, lấy địa ngục giáo hóa kẻ ngu truyền kiếp. Thế nên người trung căn, hạ căn nghe Phật nói đến lợi thì lại sợ, cho rằng cứu kẻ chết đuối phải bằng tay, cứu lửa thì phải dùng nước, như vậy cái ân làm người sống lại mới rộng lớn. Thế nhưng chỉ dùng cách của Phật mà không dụng tâm của Phật đến nỗi đánh mất đạo lớn, uổng phí với vật. Kẻ đánh mất đạo thì làm mê lầm đồ chúng, người uổng phí vật thì che lấp tông chỉ. Đó đều không phải cái ý “dùng tay, dùng nước” của Phật. Làm chính sự thì làm lợi ích cho người, bỏ được cái bệnh làm tổn hao ấy thì sẽ thông. Đời Đường có mười bốn đời vua trị vì thiên hạ, thấy lý của Phật quá thâm sâu nhưng lại không dùng, nên kẻ chấp sự không biết đâu để tìm về cội nguồn, để lấy lòng người. Đạo Phật quá kiệt xuất chỉ có một đường. Nay thiên tử làm ích lợi nhân sinh, khôi phục lại giáo pháp, truyền bá Phật đạo để cứu kẻ trung căn, hạ căn. Thế rồi Giang châu phụng chiếu chỉ này, đương thời tôi làm thứ sử, trước có tham học ở đất này, vốn là nơi có ngàn cổ thụ, núi rặng thấu trời, chim hót ve

ngâm, tùng reo trong gió, phong cảnh rất hữu tình, không thể để hoang phế. Vừa lúc gặp thời tôi đến và khôi phục lại. Có lần tôi xem Tấn sử, thấy việc của Viễn Công và được đọc sách của ngài. Ngài biện luận như suối tuôn, văn từ rất sắc sảo, đủ thấy người giữ được phong cảnh ấy cho ngày nay chính là Viễn Công. Tôi nghe núi ở Lãnh nam cao nhưng không sừng sững, núi ở Lãnh bắc sừng sững nhưng không đẹp, nhưng Lô sơn thì vừa sừng sững lại vừa đẹp. Năm ngọn soi mình xuống hồ, suối thác như chảy từ trời xuống, lại có dị thảo linh dược, chim quý thú hiền, trong màu khói núi có những đường rắng như Bạch hạc khiến người ta nhìn không nỡ chớp mắt. Vả lại sáu đời ở Kim lăng, mỗi đời càng xa lánh thế tục, thần lập công cũng khó, chủ thấy nghi cũng buồn. Tâm dương là trung tâm của bốn phương, có cái đẹp của núi sông, chẳng phải là Viễn Công đã chọn nơi đây làm kế lâu dài sau này đó ư? Nhưng loài chim dữ thì ưa chỗ tanh hôi, người nhẫn chịu thì thích nơi trong sạch. Trước tôi không rảnh để vào, tự trách mình quá nhiều việc, đủ thấy Viễn Công quả là bậc hiền tài. Núi này nhờ có Viễn Công mà càng thêm sáng sạch, Viễn Công cũng nhờ núi này mà nổi danh, xiển dương pháp Phật chẳng khác Tào Khê, chẳng kém Thiên Thai, không thể nói là một hay hai, vì vậy chùa dựa vào núi, núi dựa vào thanh danh của Viễn Công, ba yếu tố ấy nương nhau mà làm thành cái toàn mỹ cho thiên hạ.

29. Thiên sư Quy Sơn Linh Hựu: (Quý Dậu)

Năm này Thiên sư Quy Sơn Linh Hựu thị tịch. Sư từng dạy chúng:

“Phàm tâm của người học đạo phải ngay thẳng không dối lừa, không có vọng tâm lừa dối, không trước mặt không sau lưng. Trong tất cả thời thấy nghe bình thường, không luồn lách không nhắm mắt bịt tai, chỉ cần không chạy theo vật thì được ngay. Từ xưa, chư Thánh chỉ nói bờ ô trước là lỗi lầm lo lắng, nếu không có những thứ xấu ác như vậy thì thấy ngay tình kiến toàn là việc do tưởng huân tập. Ví như nước hồ thu lắng trong, sạch sẽ vô vi, lặng lẽ vô ngại. Người ấy được gọi là đạo nhân hay người vô sự”.

Khi ấy có Tăng hỏi:

- Người đốn ngộ còn tu nữa không?

Sư đáp:

- Nếu người quả thật thấy được gốc thì họ tự biết, tu hay không tu là lời nói hai phía. Như nay có người sơ tâm, tuy từ duyên mà được nhất niệm, đốn ngộ được chân lý của chính mình nhưng vẫn còn những tập

khí từ nhiều kiếp trong vô tử vẫn chưa thể trừ sạch ngay được nên phải dạy họ trừ mọi dòng thức ngay nơi hiện tại, đó gọi là tu. Đừng dạy họ rằng có một pháp riêng biệt rồi bảo họ thú hưởng. Theo cái nghe mà nhập lý thì cái nghe và lý đều mâu nhiệm, tâm vốn sáng sạch chẳng trụ ở mê lầm. Hiện thời dù có trăm ngàn diệu nghĩa hay dở thì người này vẫn được ngồi yên mà mặc áo, tự có được kế sống.

Bấy giờ Tướng quốc Trịnh Ngụ soạn văn bia rằng:

“Những người diễn nói đạo thuật trong thiên hạ rất nhiều, mỗi người tự thấy tông phong mình là đúng, nhưng cách giáo hóa của Ngũ thường vượt ngoài nhân sự, ngay trong tinh thần tính mệnh họ Sử cho đó là lời của đạo gia. Vì vậy những người như Lão Nghiêm, sách ấy vẫn còn. Còn như ra khỏi tình lụy, vượt ngoài sống chết, ra khỏi có không, vượt cao thoát xa thì lời nói sự vật không thể nghĩ nghị, cái thù thắng vi diệu không thể dùng ý mà hiểu được. Như vậy, Thiên mà đạo Phật nói đến mới ngô hầu thấu triệt được. Có miệng nhưng không thể dùng để biện biệt, khôn khéo nhưng đâu thể dùng để đo đếm, càng thấy được thì càng mất, càng thấy đúng thì càng sai. Ta là ta mà chẳng biết ta họ gì. Biết thì biết nhưng chẳng biết cái biết ấy là cái gì. Không thể thấu tận cái không, không thể hiểu thấu cái rỗng. Nếu đúng thì hoàn toàn đúng, nếu được thì được tất cả. Chẳng cần cái vắng lặng của núi rừng, chẳng cần cái ồn ào của thành thị, không thấy có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông vận hành, chẳng thấy được dấu vết được, mất, thị phi đến đi. Chẳng phải thấu tận cái không mà là ngầm thuận theo; gặp cảnh ngộ thì liền an phận nên không bó buộc trong thời gian; gặp muôn duyên thì hòa hợp nên không hạn cuộc trong sự vật. Diệu chỉ rộng lớn ấy là như vậy. Đồ chúng có đến trăm ngàn nhưng chỉ một, hai người nhận được. Gần đây người diễn xướng đều có tông, có tông tất có thầy, có thầy tất có truyền trao. Nhưng nếu không phải là bậc thông minh đỉnh ngộ kiệt xuất thì không thể trao truyền, những người truyền trao thấy đều là bậc long tượng trác tuyệt. Nay phía Tây bắc quận Trường Sa có ngọn núi tên là Đại Quy, nơi thâm sơn cùng cốc này rộng đến mấy trăm ngàn dặm, là nơi hổ báo cạp beo ẩn nấu, dù là tiêu phu rành đường, hảo hán bắn giồi cũng không dám đặt chân đến.

Có vị Tăng hiệu Linh Hựu, người ở Phước Đường là người đau tiên đội nón, mang dép, đeo bị đến đây. Sư cất am tranh, chẳng phải đi tìm thức ăn thì không rời khỏi am. Mặc cho mưa gào gió thét, Sư vẫn an nhiên mà ngồi, ngày đêm điềm nhiên không có gì mà hại sư được. Nếu chẳng phải người vượt ngoài sống chết, quên hết lo âu, ngầm thông đạo

lớn thì ai làm được như vậy.

Xưa môn đệ của Khổng Tử là kẻ sĩ tâm thường, ôm bầu rượu nghêu ngao trong thôn xóm mà Phu Tử vẫn còn khen ngợi họ, là do họ có một đời sống nhân hậu. Hơn nữa, sống chết đối với người là việc được mất rất lớn lao. Đã không màng tới cái sống tất cũng chẳng màng tới cái chết, đã không để ý gì đến cái được, thì tất cũng không lưu tâm tới cái mất. Thế nên họ sống nhưng không bị được mất thị phi đánh lừa, mà chỉ uyển chuyển theo để thay đổi. Với đạo thuật như vậy, thì việc có thể làm trong thiên hạ đã xong rồi.

Phàm mở miệng nói năng là đầu mối của thị phi, hễ tranh luận thì càng thêm mù mờ, chẳng ích lợi cho người học nên nay không luận bàn. Sư đã lấy đó làm việc của mình, học trò cũng lần lượt mà theo, vậy mới cùng Sư kết dựng am tranh, cùng Sư đánh đuổi hắc ám. Nhấn đến cả hơn ngàn người, tự theo nếp sống kỷ cương mà trong lời nói của Sư cũng chẳng hề có thị phi. Nếu có người thưa hỏi thì thuận theo đó mà giải đáp, không gắng gượng với những gì mình không thể làm. Trong mấy mươi năm, Sư là người đứng đầu trong việc giảng kinh thuyết giáo.

Khi Vũ Tông đập chùa đuổi Tăng, làm đạo tràng của Sư trống trơn, Sư bèn trà trộn trong đám thường dân, chỉ sợ mình bị xuất đầu lộ diện trong đám dân đen. Những người biết càng kính trọng Sư. Về sau Triều nam Quán sát sứ Bùi Hữu mền mộ Phật pháp, cũng vừa lúc Tuyên Tông giải bỏ lệnh cấm của Vũ Tông, vua cố sức nghinh thỉnh Sư mới chịu đi. Nhân đó Sư xiển dương đạo pháp, vẫn xếp hàng trong đám môn nhân. Có người bàn thế phát lại cho Sư, ban đầu Sư không muốn. Sư nói đùa với đồ chúng:

“Ông cho rằng thế phát là làm Phật chăng?”

Đồ chúng ép buộc mãi, bất đắc dĩ sư vui vẻ thuận theo ý họ.

Sau Sư về lại đạo tràng xưa, đồ chúng cũng bắt đầu tụ tập lại, việc cũng thịnh như xưa. Đối với Sư mọi thứ đều không thật, chẳng lưu tâm điều gì. Bỗng một hôm, Sư cười mà báo đồ chúng rằng mình có bệnh. Ngày chín tháng giêng năm Đại Trung thứ bảy, Sư quy tịch thọ tám mươi ba tuổi. Đồ chúng liền an táng nhục thân sư ở gò phía Nam của núi Đại Quy. Mười một năm sau, đồ chúng đem mối đạo của Sư tâu với vua, vua mới phong thụy hiệu và dựng tháp, an táng theo nghi thức rất linh đình.

Ôi! Cái tối linh của vạn loại sinh linh đều lấy tinh thần làm nền tảng. Từ khi bé xíu cho đến tuổi già tóc bạc, việc đầu tiên là uống ăn, dần dần bị công danh, lợi dưỡng, thị phi, đố kỵ ngày đêm trói buộc, suy

nghĩ toan tính không lúc nào tạm ngưng, lao nhọc tẩm thân, gây thù kết oán. Đi đứng cứ mơ mơ màng màng, nằm ngồi cứ như hôn trong mộng, đắm mình trong danh lợi, ham muốn đến nỗi thân mòn mỏi như còn dóm xương, ăn uống đến mòn cả răng, bạc cả tóc. Ấy thế mà vẫn ăn món ngon, uống thuốc hay để bàn tính muôn việc, bên ngoài thì đối người, bên trong thì đối mình, chưa từng biết để rảnh thời gian tạm yên thân xác, dứt mọi âu lo an dưỡng tinh thần, tìm một chút thanh thoi. Thế rồi bất chợt ra đi, bè bạn đành bỏ lại bên đường, lợi dưỡng cũng về tay người khác. Hồ thẹn vì phụ trái với thần minh, xấu hổ vì để mối nguy cho hậu thế. Buông lung phóng túng chẳng biết dừng lại đều do tự tâm phát khởi, không hề biết ép mình trong mỗi đạo. Cái hay của đạo thuật đâu nhanh như vậy. Diễn thuyết kinh Phật càng chú trọng đến Thần thánh, nhưng những người thú hưởng đều rơi vào trong có không, tăng sự có đến trăm ngàn đâu thể làm qua loa, hễ bàn đến tông giáo liền tự gây mâu thuẫn, vì vậy đầu tròn áo vuông chưa hẳn là đã đúng. Còn như tôi, rửa tâm như vậy trong ba mươi năm, những người đi theo Sư có những vị rất chí thành, đem hình tượng của Sư từ Đại Quy lại, biết tôi là người học Phật nên xin vài lời tán thán. Tôi xem dung mạo của Sư quả nhiên là bậc long tượng xuất chúng trong những người được truyền trao. Đã làm lời tán thì phải có văn bia để ghi lại mối đạo của Sư trước linh tháp. Tôi vui vẻ đồng ý, nhân đây lược nêu vài lời nhằm cảnh tỉnh mình. Bởi vậy những lời trên không chỉ là việc tán thán công hạnh của Sư”.

Vua hạ chiếu cho dựng tháp tất cả Tổ trong nước, vị nào chưa được phong thụy hiệu, quan địa phương phải tâu cho vua biết. Quan Thái Thường khảo hành trạng, ban bố việc ban thụy hiệu.

Ất Hợi: Vua hạ chiếu tôn Pháp sư Biện Chương làm Thủ tòa của Tam giáo.

30. Lý Tiết Đề tặng bài tựa trong số của Đạo Lâm:

Năm này Sa-môn Đạo Lâm ở Đàm châu dâng sớ xin được đến phủ Thái Nguyên để tìm cầu tạng kinh. Cao sĩ Lý Tiết đề tặng bài tựa trong sớ rằng:

“Những người theo Nho học thích bài xích Phật giáo. Họ đều cho rằng thời của Vũ, Thang, Văn, Vũ, Chu Công, Khổng Tử đều không có Phật giáo. Từ khi Phật giáo nổi lên giúp kẻ phản loạn ngày một thịnh cần phải trừ quét sạch, khiến Phật giáo không lây lan. Phật giáo khởi nguyên từ đời Hán, kéo dài đến đời Tấn, dây dưa đến đời Tống, Ngụy, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường. Trong những năm Hiếu Hòa, Thánh

Chân người ta-bàn về Phật giáo còn cạn cợt, một vài người cũng biết đến nhưng chẳng biết Phật giáo tại sao lại như thế. Tôi xin được nói vậy, xưa có một người mập mạp hồng hào, khí lực dồi dào, tinh thần phấn chấn, chưa đến thầy thuốc bao giờ, cũng chưa từng cầu khẩn bao giờ, điềm nhiên mà sống chẳng có mối lo gì, chẳng bệnh tật gì. Một hôm, không may bị chứng phong hàn, lưng còng chân liệt, mắt mờ tai điếc, bấy giờ việc thuốc thang không ngớt, cầu cúng đủ thần. Hai thứ đó đâu phải tương phản nhau, mà bệnh và không bệnh thế nó khác nhau thôi. Than ôi! Đầu thời Tam đại thì đời mạnh khỏe, cuối thời tam đại thì đời bị bệnh. Vào thời Tam Đại Vũ, Thang, Văn, Vũ dùng đức dùng nghĩa ban trả cho đời; Chu Công, Khổng Tử nắm giữ điển giáo, đạo phong dần dần suy thoái nhưng dù sao vẫn còn. Đối trá không thắng nổi lòng tin, cái ác thường tránh cái thiện. Bấy giờ có bài ca Kịch Nhưông, Thi của Do Canh, ai nấy đều ưa thích. Cuối đời Tam Đại, đạo phong đại suy, sức mạnh của đối trá che lấp cả lòng tin, bủa ra tràn lan đánh mất tính chất phác, cái thiện ngày bị đẩy lùi, cái ác mạnh lên dữ dội. Bỏ thuế ruộng thì giàu nghèo tranh chấp, tham chức vị thì đấu tranh nổi lên. Lo tích chứa của cải thì bầy tôi thu thuế được đề cao, lo việc thống trị kẻ dưới thì quan lại bóp nắn muôn dân được xem trọng. Kẻ trên chế ngự kẻ dưới là dối lừa họ, kẻ dưới hầu hạ kẻ trên là lấy lòng họ. Kẻ trên người dưới gây thù kết oán, vì vậy có người trầm mình ở sông Mịch la, có kẻ phải nai lưng vác đá, ai nấy đều sầu oán.

Giáo pháp của nhà Phật lấy cái thanh tịnh, điềm nhiên làm thiên định, lấy cái khiêm cung nhún nhường làm nhẫn nhục, thế nên oán thù đấu tranh liền dứt. Lấy cái đạm bạc cần khổ làm tu hành, lấy việc thấu đạt số mệnh làm nhân quả. Vì vậy kẻ nhỏ nhoi thấp hèn đều được yên. Do đó thử ví dụ rằng “Át phải phiến nào mới thấy được Phật tánh” thì đạo phong của thời đại suy đồi nhận chìm cả Phật tánh. Ôi! Đạo phong của thời đại suy đồi mà thịnh thì muôn dân không an lạc, không nhà Phật cứu cái tệ này thì muôn dân biết gửi lòng mình vào đâu để được an lạc. Người luận không trách cái thói thời đại suy đồi mà trách Phật giáo càng hưng thịnh, chẳng khác nào người bệnh trách thầy thuốc đến trị bệnh. Họ chỉ biết Phật giáo nhân lúc thời đại suy đồi mà hưng thịnh, nhưng lại không biết thời đại suy đồi cần phải cầu cứu với nhà Phật. Vì vậy sao? Vì thời cuộc đã bệnh hết rồi, còn người đều sâu khổ hết rồi. Nếu không có Phật giáo làm cho họ yên ổn thì kẻ dưng tranh nhau nổi lên, khởi tâm đấu tránh; kẻ trí an tĩnh nhưng lại bày mưu tính kế như vậy người trong cả nước đều tranh nhau nổi dậy. Nay nhà Phật góp phần

quy hướng mà chẳng đòi hỏi gì ở họ, thế nên kẻ trí người hiền trong thiên hạ đều dứt tâm hơn thua, kẻ nào không tỏ được cái thiết thực của nhà Phật là người ngu. Chỉ khi người trên chuyển hóa, thì cái tệ của thời loạn mới may ra nhờ đó mà yên ổn. Như vậy lẽ nào lại vất bỏ nhà Phật đi ư?

Người luận không nghĩ đến lợi ích to lớn cứu đời trị người của nhà Phật mà đối kỵ cái hao tổn con con như khắc, đục, thêu thùa thánh tượng nên tôi mới nói “biết là như vậy nhưng không biết tại sao Phật giáo lại như vậy là thế.

Cuối năm Hội Xương, Vũ Tông phá diệt Phật giáo, bắt Tăng sĩ theo Đạo giáo, mấy vạn dân phải lâm vào cảnh tội đời, thánh tượng bằng gỗ, đất thì bị thả trôi trong nước; kim kinh bằng giấy lục thì bị đốt cháy trong lửa. Lại ra lệnh cho ngự sử đi khắp thiên hạ xem kẻ nào dám che giấu kinh tượng đều bị trị tội. Từ đó chùa chiền nổi tiếng trong nước đều bị đập sạch. Thiên tử vừa lên ngôi, ngậm ngùi cho nhà Phật không nỡ hủy diệt, liền hạ chiếu cho khôi phục dần trở lại. Thế nhưng từ Hồ nam nơi xa xôi ấy con người vẫn con sợ lệnh cấm trước, không dám châm chước thể chế của triều đình. Triều trước đốt phá kinh tượng chẳng sót thứ gì nên ngày nay dù có sắc lệnh khôi phục trở lại nhưng không ai biết tìm kinh ở đâu.

Chùa Đạo Lâm là thắng cảnh ở Hồ tây. Có vị Tăng dân sơ nói rằng: “Phủ Thái Nguyên là đô thành cũ của quốc gia, ở đó có nhiều chùa Phật. Tôi nghe nói người đứng đầu ở phủ ấy là Tư không Phạm Dương Công, là người nhân đức trong thiên hạ. Em tôi qua lại tìm tòi những áng văn của họ Thích còn sót nhằm làm cho người ở sông Tương. Phạm Dương Công đồng ý và hứa sẽ giúp tôi. Tôi liền từ già và đi về phương Bắc. Đến nơi, tôi yết kiến Quân môn, Phạm Dương Công quả nhiên hứa giúp. Nhân đó tôi đi khắp nơi kiếm tìm những gì còn rơi sót lại. Đến chùa chiền, thấy chùa không bị phá mà lại còn tu bổ thêm. Họ mời tôi giảng thêm về hiểu biết của mình nhằm bổ khuyết những điều còn khiếm khuyết. Chưa đầy một tháng tôi thu nhập được năm ngàn không trăm bốn mươi tám quyển kinh”.

Mùa thu năm Đại Trung thứ mười, tôi từ Hà Đông đến sông Tương. Than ôi! Phật giáo cứu đời, việc ấy tôi đã nói rõ. Giả sử chẳng phải vua ta không thông suốt nguồn lý thì ai có thể đứng ra khôi phục trở lại. Đã khôi phục rồi lại không có kinh điển. Nếu chẳng có sở dâng lên cộng với học thức uyên bác, nhiệt tâm chí thành thì ai có thể chấn hưng lại Phật giáo. Tôi vui mừng dâng sớ phụng mệnh vua, xiển dương tông

phong họ Thích, chẳng ngại nắng mưa, cốt là bố đức cho mọi người. Vì vậy tôi có bài thơ tán thán việc này rằng:

*Sông Tương cuộn chừ đời càng dữ hơn
Giết hại trộm cắp chừ quan không dạy được
Ôi họ Thích chừ đổi bạo thành nhân
Phật ở đâu chừ Phật ở trong kinh
Sông Tương mênh mông chừ bốn bề hun hút
Khỉ vượn đeo níu chừ mây rừng phơi phới
Trăng lặn sông chừ khói ẩn núi
Buồm chèo cuốn chừ gác dầm nghĩ
Mong ngóng chừ ngâm nga
Sóng quá to chừ khi nào về
Sông Tương bỗng chốc chừ mặt trời dần khuất
Tùng phủ sân thu chừ lan trái ruộng xuân
Thượng nhân đi chừ mấy ngàn dặm
Ngày nào cùng đạo chừ nước sông Tương”.*

31. Vua hạ chiếu mời La Phù Hiên Viên hỏi thuật trường sinh bất lão: (Mậu Dần)

Vua hạ chiếu mời La Phù Hiên Viên tiên sinh, Tả Thập Di Vương Phổ... dâng sớ can ngăn. Vua hạ chiếu trả lời:

“Trẫm một mình lo muôn sự rối bời, được La Phù Sĩ Sử Hiên Viên có tài làm người ta trẻ hoài không già bèn sai sứ đi đón, là mong ông bảo dưỡng sức khỏe cho ta. Mỗi lần xem lại sử sách tiên triều, thấy việc của Tần Hoàng, Hán Vũ. Trẫm thường lấy đó răn mình. Bọn khanh làm chức Giám ty, ta vui mừng nghe theo thành ý của bọn khanh vậy”.

Vua lại bảo Tể tướng:

- Ông đi khuyên bọn Giám quan hộ ta, dù Hiên Viên làm ta trẻ lại, mạnh khỏe lại nhưng ta cũng không để ông ấy mê hoặc đâu. Ông đi mời Hiên Viên đến đây, ta muốn nói với ông ấy vài lời thôi.

Không bao lâu, Hiên Viên đến. Vua hỏi:

- Vì sao Tiên sinh trường thọ đến thế?

- Buông thanh sắc, bỏ của ngon, buồn chuyển thành vui, ban bố ân trạch, được vậy thì hợp với trời đất, sáng như nhật nguyệt, đó là trường thọ, đâu phải tìm kiếm bên ngoài mà được.

Vua nghe càng kính trọng Hiên Viên.

Kỷ Mão: Vi Dẫn dựng chùa Quan Âm ở Hồng châu, đích thân thỉnh Thiền sư Ngưỡng Sơn Tuệ Tĩnh khai sơn trụ trì.

Tháng tám, vua mất, thọ năm mươi tuổi. Vua vốn thông minh, dụng pháp không thiên lệch, bản tính khiêm cung cần kiệm, biết lo cho dân cho nước, người người mạnh dạn lên tiếng can gián vua, thiên hạ tôn xưng ông là Tiểu Thái Tông. Mỗi lần Tể tướng tâu mọi việc xong, ông đều điềm nhiên nói:

“Ta nghe theo”.

Nhân đó vua hỏi mọi việc trong khắp làng mạc. Có lần Tể tướng xin bày yến tiệc vui chơi, vua đồng ý. Sau đó vua nghiêm sắc mặt nói:

- Bọn khanh phải khéo làm việc, ta thường sợ bọn khanh phụ trách, nếu vậy thì ngày sau ắt khó thấy nhau.

Nói xong vua đứng dậy về cung.

Lệnh Cô Đào có lần nói với mọi người:

“Ta mười năm làm chánh sự, nhận rất nhiều ân đãi ngộ của vua. Thế nhưng mỗi lần tâu việc trước Hoàng thượng, không lúc nào mà không toát mồ hôi ướt cả áo”.

Cự Đường sử tác ghi:

“Thần nghe Lê Lão kể về việc trong năm Đại Trung, Hiến Văn Hoàng đế là người hiểu biết sâu rộng, từng nếm đủ gian nan nên thấu rõ nỗi cơ cực của thiên hạ. Từ năm Bảo Lịch đến nay, trong triều chuyên quyền mọi việc đều mượn lệnh vua. Kinh sư thế mạnh nhiều loạn dân cùng. Từ khi Đại Trung ngưng thế, những kiểu chuyên quyền đều sạch dấu vết. Đến ngày thứ hai, gian thần đều sợ vương pháp. Ngày thứ ba, đình chùa đều sáng sủa. Từ đó không lạm dụng hình pháp, trưng dụng kẻ tài năng, trăm việc bốn phương đều thuận hòa như gió mát. Trong hơn mười năm tiếng tăm vang dội. Trong cung, vua chỉ mặc áo sơ sài, thức ăn thường không quá vài món. Nếu không có mẫu hậu ngự thiện thì không cử nhạc. Những năm đói kém, nỗi lo thường hiện trên nét mặt nhà vua. Những kẻ tả hữu bên cạnh chưa khi nào thấy vua có dáng điệu sa đọa. Khi bàn bạc với quần thần, xã giao như bạn bè đồng liêu. Bề tôi trần tấu điều gì vua đều tiếp nhận. Vì vậy kẻ thờ được nhân chủ thế này đều được vinh hạnh. Trước đây bọn Hoàng Môn thường dùng long não, uất kim, tịnh địa, Hiến Văn ra lệnh dẹp bỏ hết. Người ở trong cung có bệnh thì có thầy thuốc đến trị. Bệnh hết thường thưởng vàng cho họ và dạy rằng “Chớ để bọn tả hữu biết, chớ không họ lại cho ta thiên lệch với kẻ hầu”. Ông khiêm cung cần kiệm, thích việc thiện đại loại như thế.

Những năm cuối đời, ông bị chứng phong độc liền cho mời đạo sĩ ở La Phù đến triệu kiến, hỏi về cách trị. La phù Hiên Viên là kẻ sĩ có đạo, chưa từng lừa dối vua, vua càng rất kính trọng ông ta. Hiên Viên

kiên quyết xin về núi. Vua hỏi:

- Tiên sinh nhiều lần bỏ ta mà đi, nước gặp nạn, trầm trị vì được mấy năm?

Hiên Viên cầm bút viết ngang hai chữ “Tứ và Thập” rồi đi. Đó là mười bốn năm, vận số hưng vượng chỉ chừng đó thôi ư. Đế đạo của vua cao vời, trọn không khiếm khuyết, dù Văn đế, Cảnh đế của nhà Hán cũng chưa chắc hơn ông. Chỉ tiếc rằng sử sách hiện còn chỉ ghi được ba, bốn phần trong mười phần của ông. Những văn sĩ đời sau rất lấy làm tiếc”.

Trong Tư Thị Thông Giám ghi: “Từ nhỏ Tuyên Tông rất gian nan, đến lớn trị vì thiên hạ, ông biết rất rõ mọi gian tình trong thiên hạ. Ông tận tâm lo cho dân, chuyên cần trị nước, thưởng rất thích đáng, phạt rất nghiêm minh. Vì vậy trong nước đều an cư lạc nghiệp, phong tục đều theo vương pháp. So với Hiếu đế, Tuyên đế đời Hán họ vẫn còn thua ông một bậc”.

Luận rằng: “Đường Cự sử và Tân sử ghi chép việc thật của Tuyên Tông rất khác nhau. Chỉ có Cự sử là ghi giống Tự Trị Thông Giám. Tân sử chê Tuyên Tông, cho rằng Tuyên Tông chỉ có sáng suốt mà không có nhân đức. Than ôi! Ai biết mà dám nói như thế”.

Phàm những vị vua khoan dung, nhân hậu thường mong được ưu du, thanh thoi. Còn như bậc chuyên cần trị nước thì lại bảo rằng chỉ có sáng suốt. Vậy thì có đáng để người ta tin chăng? Mạnh tử nói: “Tin tuyệt đối vào sách thì thà rằng không có sách”. Lời ấy quả là thâm thúy!

32. Thị hiện sự tích ở núi Bồ-đát Lạt già:

Núi Bồ-đát-lạt-già là nơi Quan Âm thị hiện. Trong năm Đại Trung đời Đường có vị Tăng từ Thiên Trúc đến, liền vào động đốt mười ngón tay. Vị Tăng tận mắt thấy diệu tượng của Bồ-tát, đồng thời Bồ-tát diễn nói diệu pháp cho ngài nghe và trao cho ngài viên đá bảy màu. Thánh tích ấy bắt đầu nổi tiếng. Về sau Tăng nhân Nhật Bản là Tuệ Ngạc họa được tượng Bồ-tát ở Ngũ đài muốn đem về nước. Thuyền đi đến động này bỗng nhiên không đi được. Tuệ Ngạc bèn đem tượng gửi trong nhà họ Trương ở nơi này. Người họ Trương nhiều lần thấy tượng hiển linh liền đổi nhà làm thành viện Quan Âm. Quận trưởng hay tin bèn sai người đến nghinh tượng vào thành cho muôn dân cầu phước. Sau đó, vị Tăng xin được khắc tượng gỗ. Một tháng sau, bức tượng hoàn thành và chẳng ai thấy vị Tăng ấy đâu cả. Tượng ngày nay thờ chính là pho

tượng ấy.

Đời Tống năm Nguyên Phong thứ ba, Vương Thuấn Phong, Sử Tam Hàn vừa đến đây, gió bão bùng nổi lên,

Đời Tống năm Nguyên Phong thứ ba, Vương Thuấn Phong, Sử Tam Hàn vừa đến đây, gió bão bùng nổi lên, có một con rùa to đội thuyền lao đi. Hai người họ hướng về núi cầu khẩn, Bồ-tát hiện hình, ghe thuyền được yên ổn. Hai người về triều tâu lại với vua, triều đình liền đem vàng lụa đến và dời chùa về phía Nam núi Mai lĩnh, vua ban hiệu là chùa Bảo đà, cầu mưa cầu nắng rất ứng nghiệm. Đến triều đình ta, vua đốt hương, cúng ruộng trùng lại để cầu phước cho nước nhà, cầu thịnh vượng cho xã tắc.